

cơ sở đoàn vững mạnh. Đến hết năm 1985, 100% tổ chức cơ sở đoàn của Duy Tiên được củng cố, thu hút 14/22 ngàn thanh niên tham gia sinh hoạt đoàn, đạt 65%, tăng hơn năm 1981 5%. Công tác phát thể đoàn viên được thực hiện tốt, đến năm 1985, 95% đoàn viên trong huyện được phát thể. Phong trào đoàn đã đóng góp tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Được sự quan tâm của Đảng bộ, Hội phụ nữ thường xuyên chú ý tới công tác kiện toàn tổ chức và phong trào cơ sở, động viên chị em thi đua thâm canh trong sản xuất cây trồng. Các cấp hội từ huyện đến cơ sở đã coi trọng công tác giáo dục đi sâu vào giáo dục phong trào “ người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, phong trào giáo dục chức năng cao quý của người mẹ giáo dục con trong gia đình. Chị em được hướng dẫn nuôi dạy con theo 12 bài học khoa học giáo dục, kiến thức nuôi dạy con được nâng lên. Ngoài ra chị em còn tích cực tham gia phong trào rèn luyện phẩm chất đạo đức người phụ nữ mới với 3 nội dung: gia đình văn hoá mới, bài trừ mê tín dị đoan, thực hiện nếp sống mới trong đám cưới, đám tang. Trong 5 năm 1981-1985, đã có 410 chị em được Trung ương hội tặng huy hiệu “ Người phụ nữ mới xuất sắc”. Tỉnh hội chọn Duy Tiên làm đơn vị điểm, phát động phong trào phụ nữ đăng ký nhận ruộng thâm canh cao sản, 1005 cơ sở hội trong huyện và 95% gia đình hội viên có cánh đồng, thửa ruộng cao sản. Các phong trào thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới, sinh đẻ có kế hoạch và thực hiện chính sách hậu phương quân đội đều được các cấp hội hưởng ứng. Tuy nhiên, hội vẫn chưa tập hợp được đông đảo chị em tham gia sinh hoạt hội, có đơn vị chỉ đạt 30%, ý chí vươn lên trong học tập, tiếp thu khoa học kỹ thuật của một số chị em còn hạn chế.

Công đoàn huyện năm 1983 đã chỉ đạo tổ chức tốt Đại hội công nhân viên chức ở cơ sở, hàng năm 100% đơn vị sản xuất và 60 % đơn vị hành chính sự nghiệp đăng ký thi đua tổ chức tốt đời sống của cán bộ công nhân viên chức, tổ chức tập huấn cho cán bộ công đoàn về phương pháp hoạt động công đoàn.

Hội nông dân tập thể đã mở Đại hội từ huyện đến cơ sở, tổ chức hội được kiện toàn và đi vào hoạt động theo chức năng nhiệm vụ, chú trọng giáo dục tinh thần làm chủ tập thể cho nông dân thực hiện tốt Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Trong 5 năm 1981-1985, mặc dù đứng trước hàng loạt khó khăn thử thách liên tiếp do diễn biến phức tạp của thời tiết, tiền vốn, vật tư, năng lượng, nguyên nhiên liệu thiếu thốn gây ra, nhưng các cấp uỷ Đảng từ huyện đến cơ sở đã nắm bắt nhạy bén các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, vận dụng một cách sáng tạo vào địa phương, trên cơ sở đó tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và chủ động, tạo ra sự tiến bộ vượt bậc về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xuất khẩu. Nổi bật nhất là năng suất cây lúa, bình quân 5 năm 1981-1985 đạt 55 tạ/ha. Hợp tác xã Châu Giang năm 1983, đạt năng suất 87,5 tạ/ha. Hợp tác xã Tiên Nội là xã vùng trũng của huyện nhưng là một trong những xã đạt năng suất lúa cao nhất trong toàn huyện và là xã có mức ăn bình quân cao nhất huyện, năm 1984 đạt 720 kg/người.

Với những thắng lợi đó mở ra hướng đi mới cho Duy Tiên khai thác tiềm năng thế mạnh về đất đai thế mạnh của mình, khẳng định thế đi lên mạnh mẽ của một Đảng bộ được Ban Bí thư Trung ương Đảng biểu dương tặng cờ đơn vị xuất sắc 2 năm 1980-1981.

CHƯƠNG VI

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986-1995)

I- Tích cực thực hiện đường lối đổi mới, phát triển sản xuất, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân (1986-1990)

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, đất nước ta đã giành được những thắng lợi quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Nền kinh tế có một số chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân có bước cải thiện, mở ra triển vọng mới cho sự phát triển kinh tế xã hội của nước ta trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, trong điều kiện nước ta từ một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp là chủ yếu, lại duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, sức lao động không được phát huy, nền kinh tế quốc dân không có dự trữ. Bước sang năm 1986, tình hình kinh tế xã hội của cả nước lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Lạm phát phi mã ở mức 3 con số, giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân lao động, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn.

Trong khi đó, tình hình quốc tế diễn biến hết sức phức tạp, nhiều nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa bị khủng hoảng về kinh tế có nguy cơ ảnh hưởng đến chính trị. Các thế lực thù địch tiếp tục dùng chiến lược “Diễn biến hoà bình” để chống phá Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Trước tình hình đó, đòi hỏi Đảng ta phải có bước đi và quyết sách mới. Tại Hà Nội, từ ngày 5 đến ngày 18/12/1986,

Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tổ chức. Đại hội đã tập trung đánh giá thực trạng tình hình đất nước với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Với tinh thần đó, Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới, trước hết là đổi mới nhận thức về con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trọng tâm là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cho toàn nhiệm kỳ (1986-1990) là: xác định lại cơ cấu sản xuất và điều chỉnh cơ cấu đầu tư, chú trọng 3 chương trình kinh tế lớn: Lương thực - thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội cũng chủ trương: “Đảng phải đổi mới nhiều mặt, đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác”. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, với việc đề ra đường lối đổi mới có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của cách mạng Việt Nam, là một bước ngoặt lịch sử trong tiến trình cách mạng.

Ngày 7/9/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XVI được tổ chức. Đại hội đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung trí tuệ, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu Nhiệm kỳ Đại hội XV đặt ra, đề ra phương hướng nhiệm vụ Nhiệm kỳ 1986-1988.

Đại hội đã thẳng thắn chỉ rõ những khuyết điểm, hạn chế trên 6 mặt thuộc các lĩnh vực: Tiềm năng lao động đất đai, ngành nghề; sự mất cân đối trong sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, công tác quản lý thị trường còn buông lỏng;

tình trạng mê tín dị đoan còn diễn biến phức tạp; bảo vệ trị an còn nhiều hạn chế; công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới.

Đại hội đã thảo luận và xác định phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ trong 3 năm 1986-1988 là “Tập trung sức mạnh sản xuất; trước hết là tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng hàng xuất khẩu, để nhanh chóng có cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp hợp lý. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, bố trí lại lao động, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, giảm nhẹ biên chế, tăng cường củng cố an ninh quốc phòng, nâng cao các hoạt động kinh tế xã hội, giữ vững và nâng cao chất lượng Đảng bộ vững mạnh, phấn đấu thực hiện ổn định tình hình sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp, ổn định phân phối lưu thông, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, hoàn thành đóng góp với Nhà nước và có tích lũy”

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 41 đồng chí trong đó có 33 đồng chí là uỷ viên chính thức, 8 đồng chí uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Bắc được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Cuối năm 1988, thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 17/5/1988 và kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh về hướng dẫn tổ chức Đại hội 2 cấp huyện và cơ sở. Huyện uỷ Duy Tiên đã đề ra kế hoạch, hướng dẫn cụ thể những vấn đề về tiến hành Đại hội các cấp. Được sự chỉ đạo sát sao của Ban Thường vụ Huyện uỷ, các tổ chức cơ sở Đảng ở Duy Tiên đã lần lượt tổ chức Đại

hội theo đúng tinh thần chỉ thị, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh.

Ngày 20/12/1988, Đảng bộ huyện Duy Tiên đã tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVII.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVII gồm 35 đồng chí, đồng chí Lê Văn Yển được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Trong 5 năm 1986-1990, Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đã phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI, các Nghị quyết 2,3,4,5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương; thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ IV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, XVII, trong hoàn cảnh có một số thuận lợi: trong đó quan trọng nhất là Bộ Chính trị có Nghị quyết số 10 về đổi mới quản lý trong nông nghiệp, các Nghị quyết về hoàn thiện cơ chế quản lý trong các xí nghiệp quốc doanh và Nghị quyết số 16 về đẩy mạnh phát triển kinh tế ngoài quốc doanh... Những nghị quyết này là cơ sở cho quá trình thực hiện đổi mới của Đảng bộ, đã một phần khơi dậy tính chủ động trong sản xuất của quần chúng lao động. Bên cạnh đó, phong trào thi đua của địa phương được phát huy và có những bước trưởng thành mới. Các cơ sở sản xuất phát huy tốt hơn tính chủ động sáng tạo trong lao động sản xuất kinh doanh.

Song quá trình tổ chức thực hiện sản xuất và quản lý xã hội còn gặp những khó khăn lớn: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, tiền vốn cho sản xuất kinh doanh trong tình trạng thiếu nghiêm

trọng và kéo dài. Giá cả thị trường không ổn định. Thiếu lương thực cho nhu cầu đời sống, nhất là khu vực cán bộ công nhân viên chức và cán bộ hưu trí.

Cơ chế quản lý mới đang trong giai đoạn chuyển đổi nhưng chưa hoàn chỉnh và đồng bộ. Nhận thức tư tưởng và hành động cụ thể của nhiều cán bộ, đảng viên chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới.

Thời tiết diễn biến phức tạp, rét đậm, rét hại kéo dài trong các vụ chiêm xuân, hạn hán trong vụ mùa. Sâu bệnh phát triển nhiều chủng loại, mật độ cao, diện rộng và sức phá hại lớn.

Trong 2 nhiệm kỳ, Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVI, XVII đã luôn chủ động, linh hoạt vận dụng các chủ trương, đường lối, chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Lãnh đạo cán bộ và nhân dân phát huy thành tích đã đạt được, khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành tương đối toàn diện các mục tiêu, chương trình kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

Kết quả bước đầu của 5 năm thực hiện đổi mới đã có những tín hiệu vui, đó là tình hình chính trị kinh tế xã hội của Duy Tiên có những bước phát triển mới, tương đối toàn diện, đồng đều và có xu hướng vững chắc. Thể hiện rõ nhất trong thực hiện các mục tiêu của 3 chương trình kinh tế-xã hội lớn của Đảng.

Chương trình sản xuất lương thực thực phẩm của huyện đã có đề án và Ban chấp hành Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo phát triển đa ngành, với mục tiêu đẩy mạnh trồng cây lương thực, cả lúa và màu để chủ động về lương thực cho nhu

câu của địa phương, hoàn thành đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước. Huyện uỷ chỉ đạo, tập trung thâm canh cao cho cây lúa cả hai vụ chiêm và mùa, chủ động phòng chống úng, hạn, kiên quyết đưa nhanh giống lúa mới có năng suất cao chống chịu sâu bệnh vào sản xuất đại trà từ 6% năm 1986 lên 53% vụ chiêm xuân năm 1987 và 72% vụ chiêm xuân năm 1988. Cũng cố tốt tổ chức mạng lưới dịch vụ dự tính, dự báo phòng trừ sâu bệnh từ huyện đến từng hợp tác xã... Năng suất lúa tăng từ 52,68 tạ/ha năm 1985 lên 59,29 tạ/ha năm 1987 và 67,52 tạ/ha năm 1988. Tốc độ năng suất lúa tăng bình quân 11,6%, vượt mục tiêu Đại hội XVI là 2,52 tạ/ha. Đã có nhiều điển hình tiên tiến về nhanh chóng đổi mới cơ cấu giống và giống thuần có năng suất cao như Đồng Văn, Yên Bắc, Tiên Hải, Duy Hải, Tiên Ngoại, Tiên Nội, Yên Nam, Đọi Sơn, Châu Sơn, Mộc Nam.

Cây màu lương thực được thực hiện đúng hướng, có tốc độ phát triển nhanh và vững chắc. Đặc biệt cây màu vụ đông phát triển nhanh với chất lượng cao. Năm 1986, toàn huyện trồng 508 ha ngô đông có 158 ha trồng trên đất 2 vụ lúa. Năm 1988 trồng 1.588 ha có 1.048 ha trên đất 2 vụ lúa, tăng gấp 6 lần vụ đông năm 1986.

Nhiều hợp tác xã làm vụ đông tốt, đạt kết quả cao, nhất là cây ngô đông như Yên Bắc, Tiên Ngoại, Yên Nam, Châu Giang, Bạch Thượng. Vụ đông đã trở thành vụ sản xuất chính trong năm, năm 1987, trồng 29,7% diện tích canh tác; năm 1988 tăng lên 34,1%. Toàn huyện có 9 hợp tác xã diện tích trồng 3 vụ chiêm – mùa – đông đạt năng suất trên 10 tấn/ha là Yên Bắc, Tiên Ngoại, Yên Nam, Châu Giang, Đọi Sơn, Đồng Văn, Tiên Nội, Trác Văn, Duy Minh

Tổng sản lượng lương thực cả màu quy thóc năm 1987 đạt 42.745 tấn. Năm 1988 tăng lên 48.755 tấn, vượt chỉ tiêu Đại hội XVI là 2.635 tấn. Trong đó, sản lượng màu quy thóc năm 1987 đạt 5.795 tấn, năm 1988 đạt 7.000 tấn. Sản lượng lương thực bình quân đầu người 430kg/người, tăng 70 kg so với bình quân 2 năm 1985-1986. Nhiều hợp tác xã có mức bình quân lương thực đầu người cao như Tiên Ngoại 875kg, Tiên Nội 716 kg, Tiên Hải 635kg, Yên Bắc 600kg.

Sau một thời gian thực hiện Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm, đã bộc lộ một số bất cập. 5 khâu hợp tác xã điều hành bị buông lỏng quản lý, người nắm vật tư phục vụ gia đình và người thân tốt hơn như làm đất, phun thuốc bảo vệ thực vật sớm hơn, kỹ hơn. Trong 5 khâu do tập thể đảm nhiệm thì khâu làm đất rất khó khăn, đàn trâu giảm sút nghiêm trọng, tỷ lệ trâu chết hàng năm tăng lên, nhưng số trâu không được bổ sung kịp thời, ở hợp tác xã Mộc Nam 18 mẫu màu chỉ có 1 con trâu, 1 đội sản xuất ở Hoàng Đông có 60 mẫu cũng chỉ có 1 con trâu, không làm đất kịp thời vụ, các hợp tác xã phải phát động nông dân cuốc đất cả vụ chiêm và vụ mùa. Sản phẩm của hợp tác xã còn khô đọng trong xã viên quá nhiều, 100% số hợp tác xã đều có khô đọng. Chế độ định mức công điểm chưa phù hợp, dẫn đến tình trạng dong công phóng điểm còn khá phổ biến. Giá cả tăng nhanh, trong khi đó nông sản vẫn chịu giá quy định ổn định, có những sản phẩm như mía, thóc còn thấp hơn giá quy định. Do đó, tâm lý người nông dân lúc này muốn nhận ít ruộng, đủ cân đối cho gia đình và nộp sản phẩm ít, thanh niên muốn thoát ly đồng ruộng. Người nông dân muốn đổi mới cơ chế để họ phấn khởi yên tâm sản xuất. Đây

là thực trạng và mong muốn chung của nông dân cả nước. Trước tình hình đó, ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”. Nghị quyết ra đời, kịp thời đưa ra hướng đi mới nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý trong nông nghiệp, khắc phục những hạn chế của Chỉ thị 100 của Ban Bí thư. Cụ thể là khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động, tiếp tục khuyến khích cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên. Nghị quyết 10 xác định rõ: Hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị kinh tế tự chủ, hộ xã viên là đối tượng giao đất, là đơn vị nhận khoán của hợp tác xã. Để người xã viên nhận khoán yên tâm đầu tư thâm canh, ruộng đất được giao ổn định từ 10-15 năm. Đồng thời người nhận khoán có quyền thuê lao động phục vụ sản xuất và được làm chủ toàn bộ sản phẩm làm ra sau khi đã nộp nghĩa vụ thuế, các khoản quỹ cho hợp tác xã. Hợp tác xã nông nghiệp có nhiệm vụ tổ chức sản xuất, mở rộng liên doanh, liên kết, trao đổi hàng hoá, vật tư, tổ chức quản lý, điều hành các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất như: thuỷ nông, làm đất, giống cây trồng, bảo vệ thực vật, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước. Đảm bảo cho các hộ xã viên có thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên.

Triển khai Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh đã ra Nghị quyết số 08-NQ/TU, Thông báo số 62-TB/TU, Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 453-QĐ/UB, cụ thể hoá phương án triển khai thực hiện. Vận dụng chủ trương của Đảng vào thực tiễn địa phương, Đảng bộ Duy Tiên đã chỉ đạo các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng cơ chế khoán, đề án giao ruộng, đề án hoá giá tài sản và kiện toàn bộ máy

quản lý. Ở hầu hết các hợp tác xã trong huyện, việc hoá giá tài sản của tập thể cho xã viên diễn ra nhanh gọn. Trâu bò, công cụ sản xuất của hợp tác xã được hoá giá cho xã viên, thu hồi vốn. Ngoài ra, các hợp tác xã dành lại một số ruộng dự phòng, ruộng xa, đất xấu, trồng để tổ chức cho xã viên đấu thầu, sử dụng vào mục đích phù hợp như đào ao thả cá, hoặc cấy lúa kết hợp thả cá. Bước đầu cho kết quả tốt.

Hợp tác xã nông nghiệp vận hành theo cơ chế mới đã tỏ ra năng động trên cơ sở tập thể điều hành chung, chủ động liên doanh, liên kết để cung ứng vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nhiều hợp tác xã ứng trước đạm và lân cho xã viên. Các dịch vụ bắt buộc như thuỷ lợi, bảo vệ thực vật... hợp tác xã thực hiện ký kết hợp đồng trách nhiệm với xã viên trên cơ sở hạch toán có lãi, đảm bảo lợi ích hợp tác xã và lợi ích của hộ xã viên.

Được giao quyền tự chủ về ruộng đất, người lao động lấy hiệu quả là mục đích của sản xuất. Các hộ gia đình xã viên đã huy động các nguồn vốn mua sắm công cụ lao động, trâu bò làm sức kéo, máy tuốt lúa, bình phun thuốc trừ sâu, đầu tư cho sản xuất nhằm nâng cao năng suất trên đơn vị diện tích. Được sự hỗ trợ của hợp tác xã, các hộ gia đình xã viên tích cực đi vào thâm canh cây con, chú trọng bố trí giống có năng suất thay thế bộ giống cũ thoái hoá, đẩy mạnh sản xuất cây vụ đông đưa các loại cây lương thực như ngô, khoai tây, rau màu vào trồng trên đất 2 lúa tăng hệ số quay vòng đất. Nhờ vậy sản xuất nông nghiệp của huyện trong 2 năm 1989-1990 đạt kết quả cao.

Các quy trình kỹ thuật thâm canh sản xuất được thực hiện tốt hơn. Nghị quyết 03 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện

về đổi mới cơ cấu và chất lượng giống lúa đưa vào sản xuất đại trà trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được thực hiện có hiệu quả. Năng suất lúa bình quân 2 năm 1989-1990 đạt 76,7 tạ/ha, năm 1990 đạt 77,98 tạ/ha, là năm có năng suất lúa cao nhất so với những năm trước đó, tăng 20,94% so với bình quân 2 năm trước. Tổng sản lượng lương thực quý thóc bình quân mỗi năm đạt 54.905 tấn, tăng 19,76% so với 2 năm trước và tăng 4,82% so với chỉ tiêu Đại hội. Sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 446 kg/người/năm, tăng 6,3% so với bình quân 2 năm trước. Nhiều hợp tác xã đạt mức lương thực bình quân từ 600kg/người/năm như Tiên Nội, Tiên Ngoại, Yên Bắc, Hoàng Đông, Tiên Hải, Mộc Nam.

Cây màu lương thực được chỉ đạo phát triển đúng hướng và có tốc độ tăng nhanh như cây ngô, khoai lang, khoai tây. Bình quân mỗi năm trồng 2.495 ha cây màu các loại, tăng 7,4% so với bình quân 2 năm trước. Đặc biệt cây ngô đông mỗi năm bình quân trồng 1.273 ha tăng 45,35%. Trong đó, cây ngô trồng trên đất 2 lúa đã trở thành phong trào tự giác ở nhiều hợp tác xã trong huyện.

Các điển hình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp được giữ vững và phát triển ngày càng tăng lên như các hợp tác xã Yên Bắc, Tiên Nội, Tiên Hải, Duy Hải, Trác Văn, Đồng Văn, Hoàng Đông, Châu Giang, Mộc Bắc, Mộc Nam. Đó là kết quả của sự cố gắng to lớn của Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên trong suốt quá trình lao động sản xuất vượt qua mọi khó khăn giành được những đỉnh cao mới về năng suất, sản lượng trên mặt trận sản xuất lương thực.

Nghị quyết 10 đã thực sự đi vào cuộc sống, thực tiễn cho thấy lực lượng sản xuất gồm ruộng đất, lao động và các tư liệu

sản xuất khác được giải phóng. Nông dân phấn khởi gắn bó với đồng ruộng, hăng say lao động, tình trạng khô đọng sản phẩm giảm hẳn. Kết quả bước đầu của khoán 10, đã làm cho sản xuất nông nghiệp của huyện có nhiều khởi sắc, đời sống người nông dân được cải thiện.

Về chăn nuôi, Đảng bộ tập trung chỉ đạo tăng nhanh đàn trâu bò bằng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cho sinh sản tại chỗ, chủ động sức kéo phục vụ sản xuất, đến năm 1988, đàn trâu tăng 10,21% trong đó cày kéo tăng 24%, đàn bò tăng 4,89% so với năm 1986. Từ khi thực hiện khoán 10, một số hộ gia đình đã đầu tư mua máy cày nhỏ để chủ động làm đất nên tổng đàn trâu bò năm 1990 có 9306 con giảm 1,6% so với 2 năm 1987-1988.

Đàn lợn trong 2 năm 1987-1988, không đạt chỉ tiêu đầu con như mục tiêu Đại hội XVI đề ra, nhưng do tăng tỷ lệ đàn lợn lai kinh tế, tập trung thâm canh tăng trọng nên bình quân trọng lượng xuất chuồng đạt 69kg/con. Tổng sản lượng lợn hơi xuất chuồng năm 1988 là 2.491 tấn, bình quân đầu người đạt 22,3kg/năm, tăng 19,86% so với 2 năm 1985-1986. Sau khoán 10, chăn nuôi được giữ vững và có bước phát triển mới. Trong 2 năm 1989-1990, tổng đàn lợn mỗi năm bình quân 30.244 con tăng 9,2% so với 2 năm trước. Trong đó, lợn Móng Cái thuần đưa vào sản xuất lợn giống tăng 3%, đàn lợn thịt tăng 10,26%. Trọng lượng lợn hơi xuất chuồng tăng từ 70 kg/con lên 75kg/con.

Chăn nuôi gà công nghiệp được phát triển ở xí nghiệp chăn nuôi của huyện và 3 hợp tác xã nông nghiệp, năm 1990

phát triển mạnh ở cả gia đình xã viên. Năm 1987, nuôi 36.605 con, năm 1988, tăng lên 38.000 con, gồm gà giống và gà thịt. Sản lượng gà thịt xuất chuồng mỗi năm đạt 50 tấn.

Quá trình thực hiện chuyển đổi cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp, quy mô các hợp tác xã trong huyện được giữ vững, công tác chỉ huy điều hành có nhiều khâu đáp ứng yêu cầu của sản xuất, tiếp tục củng cố và nâng thêm trách nhiệm trong sản xuất, quản lý ở các đội sản xuất cơ bản.

Những kết quả của sản xuất lương thực, thực phẩm trong 5 năm 1986-1990, bước đầu tạo điều kiện tăng thu nhập cho nông dân, đời sống nhân dân nói chung được cải thiện, có mặt được nâng lên rõ rệt, số hộ nông dân khả năng dự trữ tăng nhanh và có một phần lương thực làm hàng hoá. Đó là những kết quả cao nhất so với trước đó, biểu hiện tính vững chắc trong quá trình đi lên, nó có ý nghĩa quan trọng trên con đường thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng.

Thực hiện *chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và làm hàng xuất khẩu*, năm 1990 thị trường thế giới, đặc biệt thị trường khu vực có biến động lớn, trong khi đó nguồn vốn thiếu nghiêm trọng và thiết bị máy móc lạc hậu đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làm hàng xuất khẩu.

Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã tập trung lãnh đạo với quyết tâm cao, duy trì và giữ vững sản xuất, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng bằng các nguồn nguyên liệu địa phương như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, nông sản, mở rộng mặt hàng mới như máy tuốt lúa đập chân, sành sứ, vải giả da và mở rộng làm hàng thủ công xuất khẩu như mây

tre đan, màn khayên, dệt khăn tằm, dệt lụa tơ tằm, dệt bao tải. Đồng thời đẩy mạnh liên doanh liên kết để tăng nguồn hàng, nguồn nguyên liệu. Nhiều đơn vị sản xuất quốc doanh được duy trì và phát triển sản xuất tốt, có hiệu quả như xí nghiệp gạch ngói, công ty dược, xí nghiệp chăn nuôi, xí nghiệp ương tơ, hợp tác xã dệt Nha Xá vẫn được duy trì, nghề dệt lụa đang được mở rộng ra nhiều xã trong huyện. Các đơn vị dịch vụ phục vụ cho sản xuất đạt kết quả tốt, như xí nghiệp Thủy nông, xí nghiệp Cơ khí nông nghiệp.

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng từ gần 70 triệu đồng năm 1987 lên trên 12 tỷ đồng năm 1990; bình quân 2 năm 1989-1990 tăng 31% so với bình quân 2 năm trước. Trong đó, sản xuất quốc doanh tăng 4,72%; tập thể tăng 2,39%; cá thể tăng 180,75%. Các sản phẩm chủ yếu là nhóm vật liệu xây dựng tăng từ 5-59%. Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện 2 năm 1989-1990 là một trong 3 đơn vị có phong trào sản xuất và kết quả đạt khá của tỉnh. Riêng khu vực bán chuyên trong các hợp tác xã nông nghiệp đạt kế hoạch thấp, năm 1987 đạt 91%.

Với mục tiêu mở rộng và đẩy mạnh làm hàng xuất khẩu để tăng thu nhập ngoại tệ, nhập vật tư hàng hoá phục vụ cho sản xuất và một phần cho đời sống. Cùng với mở thêm các mặt hàng thủ công có giá trị thu nhập cao như bát đĩa mây, màn khayên, màn tằm, thảm đay, thảm bẹ ngô bằng nguyên liệu tại chỗ, huyện uỷ đã ra Nghị quyết về công tác xuất khẩu nhằm đẩy mạnh trồng cây nông sản và dược liệu như đay tơ, long nhãn, lạc, khoai tây, ích mẫu và lợn hơi. Thực hiện giá trị xuất khẩu năm 1987 là 71,8 triệu đồng. Năm 1988, đạt 85,2

triệu đồng vượt chỉ tiêu Đại hội XVI là 11 triệu đồng. Sang 2 năm 1989-1990, do biến động của thị trường thế giới, nhiều mặt hàng xuất khẩu không tiêu thụ được như thảm đay, may mặc, đay tơ, long nhãn, doanh số mỗi năm chỉ đạt bình quân 422.375.000đ bằng 62,92% so với 2 năm trước.

Chương trình dân số lao động và kế hoạch hoá gia đình, tổng dân số trên địa bàn huyện đến năm 1990 là 123.528 người, trong đó nhân khẩu nông nghiệp là 104.823 người. Tổng số lao động trong độ tuổi là 53.092 người tăng 5,5% so với bình quân 2 năm trước, trong đó lao động trong nông nghiệp là 38.452 người tăng 2,66% so với 2 năm 1987-1988. Để thực hiện tốt chương trình dân số lao động và kế hoạch hoá gia đình, Đảng bộ đã chú ý và giải quyết được một bước lao động và việc làm cho nông dân. Lao động mỗi năm đều tăng, trong nông nghiệp, do cơ chế khoán tác động, nên chất lượng và hiệu quả lao động được nâng lên, lao động trực tiếp có phần dôi dư. Số lao động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành kinh doanh dịch vụ đang giảm dần do chuyển đổi cơ chế quản lý, công nghệ sản xuất chậm được đổi mới, mặt hàng mới tuy được mở ra nhưng thu hút lao động chưa đáng kể. Số lao động dôi dư trong các cơ sở sản xuất và cơ quan Nhà nước chuyển về nông thôn ngày một tăng. Do vậy, số người thiếu việc làm trong nông thôn ngày càng nhiều. Giải quyết việc làm thực sự là vấn đề khó khăn.

Huyện chỉ đạo giải quyết theo hướng đưa dân đi xây dựng kinh tế mới nhưng thiếu địa bàn và ngân sách đầu tư. Mặc dù khó khăn, nhưng trong 5 năm 1986-1990, huyện đã chủ động liên hệ tổ chức được 120 hộ với 526 nhân khẩu,

trong đó có 245 lao động đi xây dựng kinh tế mới. Trong đó có một số hộ đi Bảo Lộc- Lâm Đồng trồng dâu nuôi tằm.

Thực hiện cuộc vận động kế hoạch hoá gia đình và sinh đẻ có kế hoạch theo tinh thần Quyết định số 162 của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị quyết số 04 của Huyện uỷ. Các cấp, các ngành trong huyện đã tổ chức tuyên truyền giáo dục, vận động rộng rãi bằng nhiều hình thức và biện pháp khác nhau nhưng nhìn chung nhận thức của nhân dân và một số cán bộ còn hạn chế. Số cặp vợ chồng sinh con thứ 3, thứ 4 trong nông thôn còn nhiều, tỷ lệ sinh hàng năm không giảm. Bình quân hai năm 1989-1990 số trẻ em sinh ra là 2,35% mỗi năm, cao hơn bình quân 2 năm trước đó là 0,14%. Tỷ lệ phát triển dân số là 1,71% tăng 0,1 % so với 2 năm 1987-1988.

Các nhiệm vụ kinh tế xã hội khác nhìn chung đều được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ sản xuất và công trình phúc lợi, thực hiện cơ chế quản lý mới, các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước có hạn, Huyện uỷ đã tập trung chỉ đạo thực hiện khai thác tổng hợp các nguồn vốn Nhà nước, nguồn vốn tự có của địa phương để đầu tư theo hướng phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân. Trong 2 năm 1987-1988, Huyện uỷ Uỷ ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo xây dựng các công trình trọng điểm phục vụ trực tiếp cho sản xuất của địa phương như: Trạm điện trung gian Tiên Hiệp, trạm bơm Lạc Tràng, xây dựng quy hoạch điện khí hoá cho 9 xã, xây dựng nhà xưởng phục vụ sản xuất của các xí nghiệp sản xuất công nghiệp, xây dựng 3 trạm bơm

nhỏ của các xã Yên Bắc, Tiên Ngoại, Duy Hải. Đồng thời tập trung xây dựng các công trình phúc lợi công cộng như: Phòng khám đa khoa Tiên Hiệp, trường phổ thông trung học khu vực Tiên Hiệp, mở rộng khu điều trị tại bệnh viện huyện, xây dựng nhà bán thuốc khu vực Đồng Văn, tăng cường thiết bị hiện đại như máy điện quang cho bệnh viện, tu sửa mở rộng các trạm y tế xã...và hoàn thành xây dựng nhà làm việc cho các cơ quan của huyện như công ty Ngoại thương, hợp tác xã Mua bán, phòng Tài chính, viện Kiểm sát, Ngân hàng, cửa hàng Thương nghiệp. Tổng giá trị đầu tư gồm vốn tự có và vốn hỗ trợ lên tới gần 500 triệu đồng.

Hai năm 1989-1990, huyện tiếp tục đầu tư xây dựng xí nghiệp ương tơ, hoàn thành đưa vào sử dụng trạm điện trung gian Tiên Hiệp, cải tạo nâng cấp xí nghiệp chăn nuôi và chế biến thức ăn gia súc, nâng cấp rải nhựa đường 60A, cầu Hoà Mạc, xây dựng nhà sản, nhà điện quang của bệnh viện, chuyển địa điểm và tu sửa trường phổ thông trung học B, nhiều trạm bơm nhỏ của các hợp tác xã được xây dựng và cải tạo phục vụ cho sản xuất như: Tiên Ngoại, Duy Hải, Câu Tử, Hoà Mạc với tổng vốn đầu tư mỗi năm từ 800 triệu đến 1 tỷ đồng.

Trong 2 năm 1987-1988, huyện đã mua mới 9 máy kéo lớn cho 5 hợp tác xã nông nghiệp, 4 tàu vận tải đường sông và 12 ô tô tải của các xí nghiệp quốc doanh, tôn cao áp trúc các tuyến đê phòng chống lũ lụt...

Ngoài ra các hợp tác xã nông nghiệp cũng tổ chức xây dựng và mua sắm các thiết bị máy móc, cải tạo lưới điện nông thôn, nâng cấp đường giao thông, kênh mương phục vụ sản xuất với số vốn hàng tỷ đồng mỗi năm.

Đây là sự cố gắng lớn thể hiện sự lãnh đạo chỉ đạo năng động sáng tạo của Ban chấp hành Đảng bộ huyện với mục tiêu làm cho kết cấu hạ tầng của huyện biến đổi nhanh chóng, nội dung xây dựng nông thôn mới được thực hiện từng bước và bằng những kết quả cụ thể.

Hoạt động nổi bật nhất của khối phân phối lưu thông là thực hiện tốt công tác thu ngân sách, hàng năm vượt từ 8-10% của cả ngân sách huyện và xã, thực hiện tiết kiệm chi, chi đúng mục đích và chi tương đối kịp thời các khoản chi phục vụ cho sản xuất, chi lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng.

Hoàn thành vượt mức thu mua giao nộp nghĩa vụ lương thực hàng năm, hàng vụ. Thực hiện khai thác tiếp nhận và phân phối kịp thời các nguồn vật tư phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như phân bón, dầu mỡ, sắt thép, than và một số loại vật tư chính khác.

Hoàn thành 142,5% kế hoạch mua công trái xây dựng Tổ quốc 2 năm 1987-1988. Trong đó 2 xã hoàn thành cao nhất huyện được tỉnh khen thưởng là Yên Bắc và Châu Giang. Tiền gửi tiết kiệm năm 1987 đạt 221% kế hoạch, năm 1988 có số dư 154.863.000đ, bình quân đạt 628đ/người.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước khuyến khích mở rộng phát triển kinh tế gia đình bằng nhiều hình thức và biện pháp khác nhau. Kinh tế gia đình được mở rộng và phát triển, đem lại thu nhập khá ở những đơn vị có điều kiện tự nhiên và nghề truyền thống như Châu Giang, Chuyên Ngoại, Mộc Nam, Tiên Phong, Tiên Nội, Yên Bắc... Song do

đặc điểm vùng dân cư, đất đai và lao động của địa phương, nên nhìn chung kinh tế gia đình phát triển chậm, chưa mạnh, chưa phát triển sâu rộng cả công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp chế biến.

Do sản xuất phát triển đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước và có mặt được cải thiện rõ rệt. Số hộ nông dân có đủ lương thực cho nhu cầu đời sống tăng lên. Một bộ phận nông dân đã có lương thực dự trữ từ 1-3 tháng. Thu nhập từ kinh tế gia đình khá hơn trước. Do đó, cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống của các hộ nông dân được chú trọng. Đến năm 1990, toàn huyện có 75,7% số hộ có nhà xây lợp ngói, trong đó 4% số hộ có nhà mái bằng kiên cố. Các phương tiện vận tải cơ giới và bán cơ giới trong nông thôn như xe công nông, xe đạp thồ được sử dụng phổ biến, góp phần giải phóng và nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, trong nông thôn vẫn còn 10-15% số hộ có khó khăn về đời sống, do thiếu lao động, thiếu kỹ năng trong sản xuất, trong đó khó khăn gay gắt nhất vẫn là số cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu và các đối tượng chính sách xã hội.

Công tác giáo dục, công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe của nhân dân luôn được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, cơ sở vật chất của các trường học, bệnh viện, các phòng khám đa khoa và các trạm y tế xã, thị trấn được củng cố và tăng cường.

Hệ thống giáo dục được củng cố, tiếp tục thực hiện chương trình cải cách giáo dục. Chất lượng dạy và học của một số trường phổ thông cơ sở được nâng lên như Tiên Thắng, Tiên Hải, Yên Nam, Đọi Sơn, Chuyên Ngoại. Tỷ lệ tốt nghiệp và lên lớp thẳng bình quân hàng năm là 90%. Duy trì và giữ vững

phong trào bổ túc văn hoá ở một số xã như Yên Bắc liên tục 20 năm là đơn vị lá cờ đầu; Châu Giang tổ chức tốt hình thức vừa học vừa làm; Tiên Nội, Châu Sơn, Tiên Tân bồi dưỡng tốt văn hoá cho cán bộ chủ chốt. Tuy nhiên, số học sinh đến lớp ở cuối cấp phổ thông cơ sở giảm; giáo dục mẫu giáo nhà trẻ xuống cấp chưa có biện pháp khắc phục, nâng lên kịp thời với yêu cầu của đổi mới cơ chế

Sự nghiệp y tế được tăng cường ở tuyến huyện và các phòng khám đa khoa khu vực. Toàn ngành tiếp cận, bám sát các chủ trương, định hướng đổi mới của ngành, của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, kịp thời chuyển hướng đưa các chương trình y học mới vào thay thế và sửa đổi các hình thức y vụ cho các chuyên khoa. Xây dựng phong cách và giữ vững kỉ cương theo truyền thống y học Việt Nam “lượng y như từ mẫu” với mục tiêu tất cả vì người bệnh, vì sức khoẻ của nhân dân. Từ đó, chất lượng khám chữa bệnh ngày càng tăng lên. Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở làm tốt công tác vệ sinh phòng dịch, làm sạch môi trường, tiêm phòng cho bà mẹ và trẻ sơ sinh. Tăng cường tuyên truyền các biện pháp tránh thai cho chị em trong độ tuổi sinh đẻ, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Ngành đã đóng góp tích cực vào việc hạ tỉ lệ dân số xuống 1,5%, giảm tỷ lệ tử vong trong các chuyên khoa điều trị. Các đơn vị tiêu biểu của ngành là Bệnh viện, công ty Dược được sở Y tế và huyện đánh giá là đơn vị đóng góp nhiều thành tích vào việc chăm lo bảo vệ sức khoẻ nhân dân và thực hiện tốt chương trình văn hoá xã hội.

Công tác thương binh xã hội sau khi nhận phân cấp của tỉnh, nhìn chung có nhiều cố gắng, nắm chắc đối tượng, thực

hiện chính sách đúng đối tượng và tương đối kịp thời. Thường xuyên chú trọng chăm lo các đối tượng gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh liệt sỹ. Tuyển chọn lao động cho nhu cầu xã hội và đi lao động hợp tác ở nước ngoài đúng chính sách và đối tượng quy định.

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao là một trong những nội dung được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo. Do xoá bỏ cơ chế bao cấp gắn liền với sự phát triển nhanh chóng, rộng rãi các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng hiện đại, nên hoạt động của Quốc doanh chiếu bóng, Nhà văn hoá trung tâm, Quốc doanh phát hành sách và phong trào văn hoá văn nghệ quần chúng trong nông thôn, trong các cơ quan xí nghiệp Nhà nước đang bị thu hẹp và chất lượng không cao. Các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao và truyền thanh cố gắng duy trì và phát triển sự nghiệp. Các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền thường xuyên qua các phương tiện thông tin đại chúng theo hệ thống.

Thực hiện Chỉ thị số 135/HĐBT, ngày 14/5/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, cùng với phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc và giữ gìn trật tự xã hội hoạt động với nhiều hình thức và biện pháp phong phú, có tác động giáo dục trong nhân dân nâng cao cảnh giác cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của địa phương, lập lại trật tự kỷ cương xã hội theo Hiến pháp và Pháp luật Nhà nước, góp phần tích cực vào việc thực hiện Quyết Định số 290-QĐ/HĐBT, của Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị số 28-CT/TU, của Ban

Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh. Tuy vậy, tình hình trật tự nói chung còn phức tạp, phát hiện, đấu tranh, điều tra và xử lý một số vi phạm pháp luật về kinh tế, hình sự chưa kịp thời, chưa nghiêm minh đã hạn chế một phần tác dụng của giáo dục và ngăn ngừa tội phạm.

Công tác quân sự địa phương có những chuyển biến mới trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Việc củng cố lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên được nâng lên cả về số lượng và chất lượng. Tham gia hoàn thành tốt cuộc diễn tập khu vực phòng thủ của toàn tỉnh, mang mật danh PH90 và chỉ đạo xây dựng phương án phòng thủ xã vững mạnh. Hàng năm, hoàn thành kế hoạch đăng ký, khám tuyển và gọi thanh niên nhập ngũ theo luật nghĩa vụ quân sự.

Các đơn vị an ninh quốc phòng ở cơ sở tuy được tổ chức xây dựng làm nòng cốt xung kích trong các hoạt động ở địa phương, nhưng chưa được duy trì hoạt động thường xuyên và chất lượng chưa cao.

Song song với việc chỉ đạo đổi mới phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ chủ trương đổi mới công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, coi đây là vấn đề then chốt quyết định mọi thắng lợi.

Công tác tư tưởng của Đảng bộ, từ khi quán triệt Nghị quyết 7, Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương khoá VI, đã góp phần đổi mới tư duy, định hướng tư tưởng, bồi dưỡng nhận thức đúng đắn cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo ra sự nhất trí với đường lối, quan điểm đổi mới của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu, khắc phục dần tính bảo thủ trì trệ trong tổ chức và hành

động thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Phương pháp và hình thức công tác tư tưởng được đổi mới theo hướng mở rộng thông tin, kiện toàn đội ngũ cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cơ quan làm công tác tư tưởng. Nhìn chung công tác tư tưởng bước đầu có những kết quả đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới theo đường lối của Đảng.

Cùng với những việc trên, Đảng bộ còn coi trọng công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục truyền thống của Đảng. Bằng các hình thức học tập trung và tại chức, hai năm 1989-1990 tổ chức cho 337 đồng chí học qua các lớp lý luận chính trị từ sơ cấp đến cao cấp, bồi dưỡng lý luận cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin cho 102 đảng viên mới, 173 quần chúng ưu tú được học tập, tìm hiểu về Đảng. Hầu hết các cơ sở đã rà soát công nhận việc phổ cập lý luận cơ bản cho đảng viên. Ban Thường vụ Huyện uỷ đã thông qua sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn 1930-1954, nhiều Đảng bộ xã đã tổ chức nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương, góp phần tuyên truyền truyền thống của Đảng.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã thường xuyên coi trọng công tác cán bộ, luôn quan tâm từ các khâu quy hoạch, đào tạo, sắp xếp cán bộ, do đó đã phát huy được vai trò lãnh đạo của đội ngũ cán bộ. Phần lớn số cán bộ được bổ nhiệm trong 5 năm 1986-1990, đều được đào tạo qua chương trình lý luận chính trị, có chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý Nhà nước. Việc sắp xếp tổ chức và đánh giá, bố trí cán bộ được cải tiến theo hướng dân chủ và tập thể hơn. Theo yêu cầu của công cuộc đổi mới, bước đầu đã giảm nhẹ biên chế, giảm bớt đầu mối trung gian. Các cơ quan quản lý chuyên môn

của Đảng và chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đều được tổ chức sắp xếp lại. Đến năm 1990, khối dân đảng giảm 14,4% ; khối chính quyền giảm 9% biên chế hành chính sự nghiệp; khối xã, thị trấn giảm 28,5%, so với năm 1989. Đã từng bước xây dựng được mối quan hệ làm việc của từng cơ quan, đơn vị và mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở. Số tổ chức mới và cán bộ mới sắp xếp nói chung phát huy được tác dụng và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các tổ chức cơ sở Đảng đã được Đảng bộ, nhất là các cấp uỷ quan tâm. Việc củng cố nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng luôn gắn với cuộc vận động xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Trên cơ sở lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, chi bộ làm căn cứ để đánh giá đúng chất lượng mạnh yếu của tổ chức cơ sở Đảng và có phương hướng biện pháp chỉ đạo, lãnh đạo tiếp theo. Các cấp uỷ đã chỉ đạo chặt chẽ việc xem xét phân loại tổ chức cơ sở Đảng theo định kỳ. Số cơ sở Đảng vững mạnh đạt 69% năm 1987; 72,5% năm 1988; 60,5% năm 1989 và 58,5% năm 1990, đã phản ánh thực tế của tổ chức cơ sở Đảng trước công cuộc đổi mới. Số cơ sở yếu kém giảm từ 14,3% năm 1987 xuống còn 8,7% năm 1988. Nhiều Đảng bộ, chi bộ phấn đấu giữ vững danh hiệu vững mạnh liên tục nhiều năm liền như: Yên Bắc, Tiên Nội, phòng Tài chính, Quân sự, Trại lúa của tỉnh, hợp tác xã Mua bán huyện, công ty Xây dựng huyện.

Công tác đảng viên đã được Đảng bộ chú ý trên cả 3 mặt: bồi dưỡng nâng cao năng lực và phẩm chất đảng viên;

thường xuyên làm trong sạch đội ngũ đảng viên; kết nạp đảng viên mới. Việc làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên ngày càng được chỉ đạo tích cực hơn. Qua khảo sát phân tích chất lượng đảng viên, đến tháng 6 năm 1988 có 65,55% số đảng viên phát huy tốt cả phẩm chất và năng lực; 23,95% số đảng viên có phẩm chất tốt nhưng năng lực còn hạn chế; 9,3% số đảng viên có vi phạm phải xem xét nhưng chưa đến mức phải đưa ra khỏi Đảng và 1,2% số đảng viên không đủ tư cách phải đưa ra khỏi Đảng. Tính đến cuối năm 1990, toàn Đảng bộ có 86,6% số đảng viên chấp hành tốt Điều lệ Đảng.

Thông qua kết quả của công tác giáo dục và phong trào lao động sản xuất nhiệm kỳ Đại hội XVI, XVII, Đảng bộ đã lựa chọn kết nạp 249 quân chủng ưu tú, đại bộ phận ở lứa tuổi thanh niên vào Đảng.

Công tác kiểm tra của Đảng bộ đã dần đi vào nề nếp trong sinh hoạt của các tổ chức cơ sở Đảng. Nội dung công tác kiểm tra tập trung vào việc giáo dục và xem xét đảng viên chấp hành đường lối chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, kết hợp chặt chẽ với việc nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng. Ủy ban Kiểm tra từ huyện đến cơ sở được kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động, số cấp uỷ làm công tác kiểm tra đều được bồi dưỡng về lý luận và nghiệp vụ công tác chuyên môn, đã giúp cấp uỷ xem xét giải quyết kịp thời đơn thư tố giác của cán bộ đảng viên. Kết quả công tác kiểm tra trong 5 năm 1986-1990 đã phát hiện 1027 đảng viên vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách đến khai trừ ra khỏi Đảng. Riêng trong 2

năm 1989-1990, đưa ra khỏi Đảng đến 160 người không đủ tư cách đảng viên

Bên cạnh những việc đã làm được, nhìn một cách toàn diện công tác xây dựng Đảng vẫn còn những tồn tại. Về nhận thức, một số cán bộ đảng viên chưa nắm vững yêu cầu, nội dung của công cuộc đổi mới nên đã vi phạm nguyên tắc đảng, vi phạm nguyên tắc quản lý Nhà nước. Đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Do nhận thức chưa đúng nên còn hiện tượng vi phạm dân chủ, lợi dụng dân chủ xã hội chủ nghĩa, bóp méo, nói sai sự thật, kích động, cơ hội gây mất đoàn kết, mất ổn định ở địa phương. Công tác tư tưởng chưa được tiến hành một cách đồng bộ, có lúc thiếu chủ động và không kịp thời. Công tác tổ chức và cán bộ còn những mặt chưa hợp lý, hoạt động kém hiệu quả. Thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đồng đều, một số cơ sở gặp khó khăn trong việc thay đổi cán bộ chủ chốt. Một vài tổ chức cơ sở đảng yếu kém kéo dài chậm được khắc phục. Số đảng viên trung bình, thiếu gương mẫu chậm được chấn chỉnh giáo dục kịp thời. Công tác phát triển đảng viên mới ít về số lượng, tuổi đời của mỗi đảng viên trong Đảng bộ mỗi năm một cao. Việc xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên chưa nghiêm minh, chưa kịp thời nên thiếu tính giáo dục, thuyết phục.

Các cấp uỷ Đảng trong huyện đã thường xuyên quan tâm, chăm lo xây dựng chính quyền vững mạnh trên nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Chính quyền thực hiện đường lối chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước. Sau kết quả bầu cử Quốc hội khoá VIII, Hội đồng nhân dân hai cấp huyện xã vào tháng 4/1987, Uỷ ban nhân dân các cấp được kiện toàn đủ về

số lượng và đi vào hoạt động có kết quả tốt hơn. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành quy chế hoạt động và làm việc. Các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cũng được kiện toàn, củng cố. Nội dung hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp được tập trung vào công tác quản lý, điều hành các hoạt động kinh tế xã hội và các hoạt động chuyên môn khác theo luật quy định, giải quyết tốt các yêu cầu kinh tế xã hội quan trọng ở địa phương. Hiệu lực quản lý của chính quyền và chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng được nâng lên. Các đại biểu Hội đồng nhân dân đã nêu cao trách nhiệm và quyền hạn của mình trước nhân dân trong việc đề ra các Nghị quyết và kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Tuy nhiên so với yêu cầu đổi mới, công tác củng cố và xây dựng chính quyền còn nhiều hạn chế, nhất là đội ngũ cán bộ ở một số cơ sở chưa vươn lên kịp thời với tình hình mới. Một số đồng chí cán bộ còn thiếu kiến thức pháp luật và nghiệp vụ, thiếu kinh nghiệm về tổ chức và quản lý Nhà nước. Nhiều luật pháp đã ban hành nhưng chưa đến được với mọi công dân nên không được thực hiện nghiêm chỉnh. Chính quyền ở một số xã chưa mạnh, quản lý xã hội bị buông lỏng, trong thi hành pháp luật còn nhiều biểu hiện hữu khuynh. Công tác xét xử còn chậm và chưa nghiêm nhất là việc thi hành án.

Các đoàn thể nhân dân tiếp tục được đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp với các Nghị quyết của Đảng. Đại hội của các đoàn thể đã được tiến hành theo tinh thần đổi mới, dân chủ, đoàn kết của Nghị quyết 8b, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI. Qua Đại hội, bộ máy các

đoàn thể từ huyện đến cơ sở được sắp xếp lại một bước. Các đoàn thể đã coi trọng việc đoàn kết, tập hợp tổ chức đoàn viên, hội viên cùng chăm lo giải quyết những lợi ích thiết thực, cùng Đảng bộ và nhân dân trong huyện hăng hái thi đua thực hiện 4 chương trình kinh tế xã hội; đẩy mạnh thâm canh cây trồng, vật nuôi, đổi mới cơ cấu mùa vụ, giúp đỡ nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình và các hoạt động xã hội khác, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương, hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ ngành dọc cấp trên giao. Hàng năm các đoàn thể nhân dân trong huyện được xếp loại từ khá trở lên.

Mặt trận Tổ quốc tổ chức hội Phụ lão hiến kế hiến công, giáo dục và xây dựng truyền thống quê hương. Giáo dục động viên con cháu làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và tham gia thực hiện chính sách hậu phương quân đội ở từng địa phương.

Năm 1984, Hội đồng Nhà nước ra pháp lệnh phát hành công trái xây dựng Tổ quốc, Mặt trận Tổ quốc chủ trì cuộc vận động mua công trái, nhân dân phấn khởi tham gia phong trào mua công trái, đợt I toàn huyện đạt 4 triệu đồng và 5800 tấn thóc, được xếp loại khá của tỉnh, tiêu biểu là xã Châu Giang đạt 1 triệu đồng, cao nhất tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bức trướng “ Vì chủ nghĩa xã hội vì hạnh phúc của nhân dân” và được Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng bằng khen.

Ủy ban mặt trận đã phối hợp với phòng thông tin văn hoá giáo dục những người hành nghề mê tín dị đoan, vận động nhân dân bỏ không dùng vàng mã, đồng bóng, xem bói, bỏ các điện tĩnh, điện thờ nhằm nhí, góp phần làm lành mạnh đời sống tinh thần của nhân dân.

Thực hiện chủ trương chỉ đạo của Trung ương hội, cuối năm 1988, sau khi tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện phong trào người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội phụ nữ Duy Tiên đã triển khai 2 cuộc vận động “phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình và nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học, trẻ chưa ngoan”. Hội đã tổ chức học tập nội dung 2 cuộc vận động ở 100% cơ sở hội và vận động chị em đăng ký phấn đấu thực hiện tiêu chuẩn của cuộc vận động. Thực hiện cuộc vận động, hội phụ nữ phát động phong trào mỗi khẩu nuôi 5 gà, mỗi nhà nuôi 2 đến 3 con lợn, hội đã vận động chị em giúp nhau giống vốn để phát triển chăn nuôi gia đình. Bình quân mỗi năm chị em toàn huyện giúp nhau từ 1300 đến 2000 con lợn giống. Đến năm 1988, có 65% gia đình nuôi từ 2 con lợn trở lên, trong đó lợn lai kinh tế được đưa vào chăn nuôi ngày càng tăng. Thực hành tiết kiệm, góp phần xây dựng xã hội chủ nghĩa cũng được chị em hưởng ứng nhiệt tình. Các bà các chị đã tiết kiệm cho nhau vay lương thực, tiền vốn để phát triển sản xuất. Đối với việc giáo dục nuôi dạy con, hội phụ nữ đã chủ động kết hợp với các ngành y tế, giáo dục, khảo sát tình hình trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ bỏ học, tìm nguyên nhân để có phương pháp tháo gỡ, tổ chức bồi dưỡng kiến thức nuôi dạy con cho chị em.

2 cuộc vận động có nội dung phù hợp với nguyện vọng của chị em, thiết thực với từng gia đình nên được chị em từ nữ công nhân viên chức đến nữ nông nghiệp tích cực hưởng ứng. Năm 1990, sơ kết thực hiện 2 cuộc vận động, đã có 9500 chị em đạt tiêu chuẩn làm kinh tế gia đình và nuôi dạy con tốt, trong đó có 3 700 chị đạt xuất sắc.

Hội phụ nữ các địa phương còn vận động chị em làm tốt công tác hậu phương quân đội. Các phong trào kết nghĩa với gia đình thương binh liệt sĩ, đỡ đầu con liệt sĩ, mùa đông áo ấm, bơ thóc nghĩa tình được chị em nhiệt tình hưởng ứng. Hằng năm, các bà các chị đã tổ chức thăm hỏi gia đình liệt sĩ, mua quần áo giấy bút cho con liệt sĩ, mua quà tặng thương binh đóng trên địa bàn Duy Tiên, xây dựng quỹ hậu phương. Những món quà, cần thóc, lời thăm hỏi nghĩa tình của các chị đã an ủi phần nào những mất mát, bớt đi một chút khó khăn của các gia đình thương binh, liệt sĩ, làm ấm lòng những chiến sĩ đang tiếp tục phục vụ trong quân đội, bảo vệ bình yên cho quê hương. Dù trên lĩnh vực nào chị em phụ nữ Duy Tiên cũng phấn đấu thực hiện tốt các tiêu chuẩn của người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần quan trọng vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, hội Nông dân tập thể huyện Duy Tiên trong những năm 1986-1990 đã tập trung hướng về cơ sở, hội đã bám sát nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ để tuyên truyền, giáo dục vận động nông dân chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong nông thôn, tổ chức các phong trào hành động cách mạng của nông dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng nhất là trong phát triển sản xuất, xây dựng và củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, xây dựng nông thôn mới, con người mới, phát triển kinh tế gia đình, chăm lo đời sống của người nông dân. Các cấp hội cơ sở đã vận động nông dân tham gia các phong trào thi đua như thi đua vượt khoán, thi đua thâm canh tăng vụ, thi đua nộp đầy đủ sản phẩm, thi đua

phát triển kinh tế gia đình nâng cao đời sống... Nông dân toàn huyện hăng hái thi đua giành nhiều thành tích, góp phần xây dựng nông thôn mới. Tổ chức hội từ huyện đến cơ sở được kiện toàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đến năm 1987, 22 đơn vị xã thị trấn trên địa bàn huyện có bộ máy chuyên trách, củng cố 443 chi hội với 41.017 hội viên. Hội đã tổ chức tập huấn chức năng nhiệm vụ và phương thức công tác cho cán bộ hội từ lãnh đạo chi hội trở lên. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hội.

Đứng trước nền kinh tế nhiều thành phần, trước công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng và những khó khăn chung của đất nước, Ban chấp hành Liên đoàn Lao động huyện Duy Tiên đã thường xuyên chú trọng đẩy mạnh các phong trào thi đua trong công nhân viên chức nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động và công tác; thực hiện phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật, thực hành tiết kiệm. Phấn đấu đưa năng xuất lao động tăng nhanh, chất lượng sản phẩm hàng hoá giảm giá thành, phục vụ đắc lực cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, từng bước ổn định đời sống người lao động trên địa bàn. Hằng năm, Liên đoàn lao động huyện đã chỉ đạo công đoàn cơ sở mở Đại hội công nhân viên chức, thông qua đó phát huy tinh thần làm chủ tập thể của công nhân viên chức, tổ chức vận động công nhân tham gia quản lý xí nghiệp, hưởng ứng tích cực phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hoá trong sản xuất, tăng cường cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo đời sống trong công nhân viên chức, phấn đấu với mục tiêu “việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội”. Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền, công tác công

đoàn có nhiều tiến bộ. Trong điều kiện hết sức khó khăn về việc làm, đời sống, nhưng thi đua lao động sản xuất, công tác của công nhân viên chức toàn huyện vẫn giữ được khí thế sôi nổi, có nhiều tập thể và cá nhân tiên tiến. Năm 1990, 6 đơn vị đạt danh hiệu công đoàn vững mạnh là Xí nghiệp gạch ngói, công ty Thủy nông, hợp tác xã Mua bán, công ty Dược, công đoàn Bệnh viện, công đoàn Dân đảng và 80% đoàn viên danh hiệu lao động tiên tiến và đoàn viên tích cực.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện Duy Tiên luôn đi đầu trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, dẫn đầu phong trào ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như đổi mới cơ cấu giống, phòng trừ sâu bệnh, làm thủy lợi cải tạo đồng ruộng. Huyện đoàn đã tập hợp đoàn viên thanh niên toàn huyện tích cực hưởng ứng đợt sinh hoạt với chủ đề “Thực trạng của đất nước và trách nhiệm của tuổi trẻ” do Trung ương đoàn phát động. Qua đợt sinh hoạt, tuổi trẻ Duy Tiên đã thể hiện tâm tư, tình cảm trước sự nghiệp đổi mới của đất nước, thấy rõ trách nhiệm đối với đất nước. Cùng với phong trào “ba xung kích làm chủ tập thể”, “hành quân theo chân Bác” đội ngũ đoàn viên thanh niên nhanh chóng trưởng thành, nhiều đồng chí được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng làm nòng cốt cho phong trào của huyện.

5 năm 1986-1990, là 5 năm Đảng bộ Duy Tiên lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối đổi mới. Mặc dù còn những hạn chế: một số lĩnh vực còn lúng túng; chưa chú trọng tổng kết thực tiễn việc thực hiện đổi mới; năng lực trình độ của một số cán bộ cấp huyện và cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu... Song kết quả đạt được trên một số lĩnh vực, nhất là

trong sản xuất nông nghiệp là rất đáng tự hào, người dân từ chỗ thiếu ăn đã có một phân tích lũy. Các chỉ thị, nghị quyết của Huyện uỷ đã bám sát sự chỉ đạo của cấp trên và nhanh chóng đi vào cuộc sống. Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân đã nhận thức được con đường đổi mới của Đảng là đúng đắn và đoàn kết nhất trí, ủng hộ thực hiện. Đây là cơ sở, động lực để Đảng bộ Duy Tiên quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới trong những năm tiếp theo.

II. Đảng bộ lãnh đạo giữ vững ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, xây dựng nông thôn mới (1991-1995)

Năm 1991, tình hình quốc tế có những thay đổi lớn, tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội của nước ta. Mô hình Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ. Việt Nam tiếp tục là mục tiêu chống phá của các thế lực thù địch và phản động.

Công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng và lãnh đạo bước đầu đạt được những thành tựu rất quan trọng, có tác dụng tích cực củng cố lòng tin của nhân dân. Tuy nhiên, nền kinh tế - xã hội nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng. Nhiều cơ chế, chính sách cũ chưa được xoá bỏ hoàn toàn trong khi các cơ chế chính sách mới ra đời nhưng chưa đồng bộ và ổn định.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 28-30/3/1991, Đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XVIII (vòng 1) - nhiệm kỳ 1991-1995 được tiến hành tại Nhà Văn hoá huyện với sự tham gia của 196 đại biểu thay mặt cho tổng số 6.400 đảng viên của

Đảng bộ. Đại hội đã thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII. Để phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh và Đại hội Đảng toàn quốc, Đại hội đã đề ra chương trình hành động với các nội dung cụ thể:

Tập trung chăm sóc lúa chiêm xuân, quyết tâm đạt mục tiêu năng suất 44 tạ/ha; chăm sóc, thâm canh cây màu lương thực đưa sản lượng lương thực vụ chiêm xuân đạt 29.500 tấn; giữ vững đàn gia súc, gia cầm đủ để phục vụ đời sống nhân dân.

Hoàn thành chỉ tiêu đắp đê sông Hồng và nạo vét kênh mương, tu sửa cầu cống đảm bảo phòng chống bão, lũ, úng thẳng lợi.

Tạo điều kiện để cho mọi thành phần kinh tế sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chú trọng các mặt hàng chủ yếu như: tơ tằm, mây tre đan, thêu ren, chế biến gỗ.

Khai thác mọi nguồn vốn để tập trung xây dựng các công trình cơ sở vật chất hạ tầng, nâng cấp đường giao thông, các tuyến đường liên huyện, liên xã.

Tăng cường công tác quản lý thị trường đi đôi với củng cố hệ thống thương nghiệp, đảm bảo các nguồn thu thuế để phục vụ thu, chi ngân sách.

Có biện pháp bài trừ mê tín, dị đoan; tổ chức phòng và chống dịch bệnh trong nhân dân, nâng dần chất lượng dạy và học ở các cấp, ngành học.

Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng về an ninh Tổ quốc, hoàn thành tốt chương trình huấn luyện quân sự cho dân quân tự vệ và dự bị động viên chuẩn bị tốt cho diễn tập khu vực phòng thủ tuyến huyện và tuyến xã.

Đại hội cũng thống nhất bầu 19 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V.

Từ ngày 24-27/6/1991, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII với chủ đề “trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết” được tiến hành đã thông qua: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000; Báo cáo xây dựng Đảng và Sửa đổi Điều lệ Đảng; Điều lệ Đảng (sửa đổi). Bốn văn kiện quan trọng này có ý nghĩa đặt cơ sở và quyết định những bước đi tiếp theo cho sự phát triển mạnh mẽ của đất nước, vạch ra phương hướng cho mọi hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta.

Trong khí thế phấn khởi chào mừng thắng lợi của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, từ ngày 15-17/10/1991 tại Nhà Văn hoá huyện, Đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XVIII (vòng 2) được tiến hành có 198 đại biểu tham dự.

Sau khi đánh giá kết quả 4 năm (1986-1990) thực hiện công cuộc đổi mới trên phạm vi cả nước và trên địa bàn huyện, với tinh thần cách mạng tiến công đưa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII vào cuộc sống, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ mới (1991-1995): “Xây dựng Đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể nhân dân vững mạnh; Đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm và chế biến nông sản; Củng cố kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể,

giải phóng sức sản xuất mở rộng ngành nghề tăng thêm việc làm cho nhân dân, phát triển kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân, nâng thêm một bước mức thu nhập cho người lao động; Tập trung xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hạ tầng, trước hết là các cơ sở phục vụ sản xuất và phúc lợi công cộng; Xây dựng nội dung văn hoá nông thôn lành mạnh; Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, đảm bảo an ninh nông thôn”.

Đại hội đã đề ra những chỉ tiêu phấn đấu cụ thể trong 5 năm (1991-1995):

Năng suất lúa bình quân đạt 78 tạ/ha/năm. Tổng sản lượng lương thực quy thóc bình quân đạt 57.850 tấn/năm. Lương thực bình quân đầu người đạt 450kg/năm. Sản lượng lợn hơi xuất chuồng bình quân đạt 2.200 tấn/năm. Bình quân trọng lượng lợn hơi xuất chuồng là 80kg/con.

Tốc độ phát triển bình quân trong nông nghiệp là 3,6%/năm.

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp bình quân đạt 15.060 triệu /năm. Giá trị hàng xuất khẩu bình quân đạt 3.500 triệu/năm.

Đến năm 1995 tỷ lệ phát triển dân số giảm còn 1,5%.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 29 đồng chí, giảm 6 đồng chí so với nhiệm kỳ trước, trong đó nữ có 4 đồng chí chiếm tỷ lệ 13,7%, độ tuổi bình quân là 42,4. Đồng chí Lê Văn Yến được bầu lại làm Bí thư Huyện uỷ.

Trên cơ sở xác định: ổn định tình hình kinh tế - xã hội là điều kiện căn bản để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công cuộc đổi mới ở địa phương nên ngay sau Đại hội, Ban Chấp hành

Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện trên tất cả các lĩnh vực theo các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra.

Ngành nông nghiệp bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện gặp nhiều khó khăn. Vụ chiêm xuân 1991, bệnh đạo ôn hoành hành trên diện rộng, sản xuất lúa bị thiệt hại nặng. Để đảm bảo ổn định đời sống, các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã vận động nhân dân tích cực tận dụng đất đai trồng rau, màu ngắn ngày nhằm giải quyết nhu cầu trước mắt. Với quyết tâm “lấy mùa bù chiêm” các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất vụ mùa với các biện pháp thiết thực như: phát động phong trào tận dụng diện tích chân mạ, thùng đào để cấy lúa. Kết quả tổng diện tích gieo cấy vụ mùa năm 1991 đạt 6.651,6ha, trong đó cấy lấn chân mạ đạt 390 ha. Mặc dù, đầu vụ do ảnh hưởng của cơn bão số 3 gây mưa lớn đã làm ngập trắng 739 ha, ngập phớt 1.478ha, ngập 2/3 cây lúa 2.144 ha⁷³ diện tích lúa mới cấy. Nhưng do làm tốt công tác tiêu nước cứu lúa, động viên nhân dân đầu tư thâm canh nên vụ mùa vẫn đạt bội thu. Năng suất lúa cao đạt 41,36 tạ/ha, tổng sản lượng lúa thu được 28.668 tấn.

Thực hiện chính sách Nhà nước về hỗ trợ không thu thuỷ lợi phí, không thu thuế nông nghiệp đối với sản xuất vụ đông, phát huy thắng lợi sản xuất vụ mùa, vụ đông năm 1991 diện tích gieo trồng được mở rộng đạt 3.258 ha chiếm 36,8% tổng diện tích tổng diện tích canh tác⁷⁴. Các loại cây trồng có diện

⁷³ Báo cáo số 27-BC/UB của Uỷ ban nhân dân huyện Duy Tiên về tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 1991, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 1992.

⁷⁴ Báo cáo số 27 – BC/UB của Uỷ ban nhân dân huyện Duy Tiên về tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 1991, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 1992

tích lớn là ngô đạt 1.233ha, khoai lang đạt 1.447ha. Một số hợp tác xã tỷ lệ diện tích cây vụ đông đạt cao

chiếm từ 40-50% tổng diện tích cây lúa như: Yên Bắc, Duy Hải, Châu Giang.

Quan triệt quan điểm coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, là mũi kinh tế chủ yếu nên trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ luôn tập trung chỉ đạo việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thiện cơ chế khoán hộ, đổi mới phương thức tổ chức quản lý của hợp tác xã nông nghiệp, tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển sản xuất.

Thực hiện Quyết định số 115/QĐ, ngày 15/02/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định những nội dung đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp, các xã trong huyện đã tiến hành giao ruộng ổn định, lâu dài cho các đối tượng: nhân khẩu nông nghiệp, bộ đội tại ngũ chưa hết thời hạn nghĩa vụ, người thôi việc về địa phương sản xuất. Quan triệt phương châm: thận trọng, vững chắc, không để tình trạng tranh chấp đất đai phát sinh phức tạp, các Ban Chỉ đạo thực hiện được thành lập từ huyện đến xã. Các đề án cụ thể của từng xã được Ban chỉ đạo huyện duyệt trước khi giao đất cho dân. Với sự chỉ đạo tập trung và trực tiếp của Huyện uỷ và Ủy ban nhân dân huyện, năm 1992 tiến hành làm điểm đợt 1 để rút kinh nghiệm ở 3 xã: Duy Hải, Chuyên Ngoại, Tiên Nội. Đến cuối năm 1993, sau 3 đợt triển khai, toàn huyện có 21/22 xã, thị trấn đã hoàn thành giao đất canh tác ổn định, lâu dài cho 30.792 hộ với tổng diện tích 7000,6ha⁷⁵. Theo số liệu

⁷⁵ Báo cáo tổng kết 5 năm (1988-1993) thi hành luật đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Duy Tiên

thống kê năm 1994, diện tích đất nông nghiệp bình quân của huyện là $2.909\text{m}^2/\text{hộ}$, cao hơn so với bình quân chung toàn tỉnh.⁷⁶

Tuy nhiên trong quá trình triển khai, do nhận thức của đa số Ban quản trị Hợp tác xã, cán bộ sản xuất và của người nông dân chưa được đầy đủ, ảnh hưởng của tư tưởng chia ruộng phải đồng đều “có khó, có dễ, có xa, có gần” nên sau khi thực hiện, ở hầu hết các hợp tác xã tình trạng ruộng đất manh mún, chưa liền vùng, liền khoảnh còn tương đối phổ biến.

Từ năm 1993 thực hiện Luật đất đai, công tác lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận sử dụng đất cho các tổ chức và cá nhân, điều chỉnh đất dự trữ theo tỷ lệ 5% và hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2000 được chỉ đạo tiến hành ở các xã, thị trấn trong toàn huyện. Đến năm 1995, các xã đã hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 11.189 hộ với tổng diện tích 2.824,09 ha.

Thực hiện mục tiêu: đảm bảo lương thực - thực phẩm để ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, tăng thêm sản phẩm hàng hoá và có một phần dự trữ do Đại hội Đảng bộ đề ra, sản xuất nông nghiệp của huyện đã tích cực đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng và mùa vụ.

Các giống lúa mới có khả năng chống chịu sâu bệnh, cho năng suất cao, phù hợp với đồng ruộng của địa phương được

⁷⁶ Số liệu thống kê về kinh tế - xã hội 5 năm (1991-1995) phục vụ Đại hội Đại biểu Đảng bộ Duy Tiên lần thứ 19. Diện tích đất nông nghiệp bình quân toàn tỉnh là $2.322\text{m}^2/\text{hộ}$

đưa vào sản xuất đại trà. Cụ thể giảm nhanh những giống cũ, giống có độ thuần kém đưa vào sản xuất đại trà bằng giống cấp I, giống tiến bộ kỹ thuật, các loại giống thuần và giống Tạp Giao Trung Quốc. Quy trình kỹ thuật thâm canh tổng hợp như: làm giống, làm đất, thời vụ, chăm bón, phòng trừ sâu bệnh bảo vệ cây trồng được thực hiện tốt.

Năm 1993, Ban Chấp hành Đảng bộ đã ra Nghị quyết số 09-NQ/HU về lãnh đạo công tác sản xuất vụ đông 1993-1994. Trên cơ sở thay đổi cơ cấu mùa vụ hai vụ lúa, sản xuất vụ đông được mở rộng đã khai thác hiệu quả tiềm năng về đất đai và nguồn lao động sẵn có ở nông thôn, khắc phục tình trạng độc canh cây lúa trong ngành trồng trọt. Công tác chỉ đạo tăng diện tích lúa mùa sớm, mùa trung, giảm diện tích lúa mùa chính vụ được thực hiện, tạo điều kiện cho việc gieo trồng vụ đông được chủ động. Kết quả tổng diện tích gieo trồng vụ đông năm 1993 là 8.504,9 ha. Chính sách khuyến khích phát triển cây màu, vụ đông đã góp phần nâng cao hệ số sử dụng ruộng đất nông nghiệp tăng lên 2,14 lần năm 1993. Sản xuất vụ đông dần trở thành vụ chính đã tạo ra sản phẩm chiếm 16,33% tổng sản lượng lương thực quy thóc. Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây vụ đông so với tổng diện tích canh tác không ngừng tăng từ 25% năm 1992 lên 37% năm 1994. Nhiều giống cây mới có giá trị hàng hoá được đưa vào gieo trồng như: bí xanh, đậu tương.

Trong 3 năm (1991-1993), được sự quan tâm lãnh đạo sát sao của Ban Chấp hành Đảng bộ, sản xuất nông nghiệp của huyện đã đạt được những bước phát triển mới. Việc đổi mới cơ chế quản lý, chính sách trong nông nghiệp, nông thôn đã

tạo ra động lực mới, điều kiện thuận lợi cho sản xuất phát triển. Những tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi, bố trí phù hợp với cơ cấu đất đai theo hướng tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích, tăng hệ số quay vòng của đất đã dần trở thành tập quán trong nhân dân. Bình quân tổng diện tích gieo trồng đạt 18.148,4 ha/năm, hệ số sử dụng đất nông nghiệp đạt 2,09 lần/năm.

Sản xuất nông nghiệp thông qua đẩy mạnh thâm canh, cấy trồng vượt diện tích kết hợp với đổi mới cơ cấu giống đã có những bước phát triển vững chắc. Tổng sản lượng lương thực quy thóc bình quân đạt 58.407,3 tấn/năm bằng 100,96% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra, riêng màu quy thóc bình quân đạt 8.151,4 tấn/năm, năng suất lúa cả năm bình quân đạt 75,15 tạ/ha, lương thực bình quân đầu người đạt 447 kg/năm. Trong đó riêng năm 1993 năng suất lúa cả năm đạt cao 92,98 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 71.911,3 tấn, lương thực bình quân đầu người là 535kg⁷⁷. Toàn huyện có 3 hợp tác xã đạt năng suất cả năm trên 100tạ/ha là: Châu Giang, Tiên Nội, Hoà Mạc, 10 hợp tác xã đạt từ 90 tạ đến dưới 100 tạ/ha, 8 hợp tác xã đạt từ 80 tạ đến dưới 90 tạ/ha, chỉ có hợp tác xã Tiên Tân có năng suất lúa cả năm thấp (78,01tạ/ha).

Năng suất và giá trị kinh tế của ngành trồng trọt được nâng cao đã góp phần quan trọng vào ổn định đời sống của nhân dân, tạo ra sản phẩm hàng hoá, cung cấp thức ăn cho chăn nuôi, là điều kiện để chăn nuôi phát triển. Bình quân 3 năm (1991-1993) tổng đàn lợn của toàn huyện là 30.884 con, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng là 2.332 tấn, trọng lượng

⁷⁷ Báo cáo tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá XVIII của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Duy Tiên.

xuất chuồng đạt 74,2 kg/con. Riêng năm 1993 đàn lợn đạt 34.975 con là năm có tổng đàn lợn cao nhất so với trước, tính từ năm 1985 trở lại.

Do tăng cường đầu tư máy móc vào sản xuất nông nghiệp, nhu cầu dùng trâu bò làm sức kéo giảm nên so với bình quân giai đoạn (1986-1990) tổng đàn trâu bò của huyện giảm 5,5%, nhưng tổng đàn gia cầm tăng 6,93%⁷⁹.

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của địa phương bước sang năm 1991 trong bối cảnh những khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ vẫn chưa được khắc phục hiệu quả. Các xí nghiệp quốc doanh của huyện rơi vào tình trạng thiếu vốn huy động, trong khi giá cả thị trường biến động liên tục, cơ chế chính sách chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập. Vì vậy đã gây cản trở đến quá trình ổn định và phát triển sản xuất. Trước tình hình đó, các biện pháp cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn được Đảng bộ chỉ đạo triển khai đã tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động đổi mới phương thức sản xuất, mặt hàng phù hợp với cơ chế thị trường.

Thực hiện Nghị định 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn được tổ chức, sắp xếp và thành lập lại để thích ứng dần với cơ chế mới. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp được tiến hành giải thể, chuyển hướng kinh doanh theo nhóm.

⁷⁹ Báo cáo tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá XVIII của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Duy Tiên

Tính đến tháng 12/1993, trên địa bàn huyện đã giải thể 3 đơn vị: Liên hiệp hợp tác xã Mua bán huyện, công ty Xây dựng, trại cá giống Đồng Văn; chuyển về tỉnh 4 đơn vị: xí nghiệp May công nghiệp, công ty Lương thực, Quốc doanh chiếu bóng, Quốc doanh phát hành sách. Số lượng các doanh nghiệp quốc doanh trên địa bàn còn 6 đơn vị: xí nghiệp Thủy nông, xí nghiệp Công nghiệp và Chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, xí nghiệp Dược, công ty Vật tư, xí nghiệp Tơ tằm sông Châu, công ty Thương mại, giảm 3 đơn vị so với năm 1991. Khu vực kinh tế quốc doanh từng bước được khôi phục, năm 1994 tổng giá trị sản xuất đạt 13.299 triệu đồng, tăng 2.515 triệu đồng so với năm 1991⁸⁰. Tuy nhiên hầu hết các doanh nghiệp, sản xuất vẫn gặp khó khăn do thiếu vốn, thiết bị lạc hậu, trình độ quản lý của cán bộ lãnh đạo chưa theo kịp với yêu cầu của cơ chế thị trường.

Các xí nghiệp quốc doanh từng bước chuyển hướng sang kinh doanh tổng hợp, tìm hướng đi mới. Xí nghiệp uơng tơ Sông Châu được đầu tư vốn xây dựng với giá trị 2,4 tỷ đồng đã xuất khẩu được 7 tấn tơ. Xí nghiệp cũng đi đầu trong toàn tỉnh khi tiến hành liên doanh với Công ty Gia-da-tin của Hồng Kông. Chính vì vậy đã tạo điều kiện khuyến khích nhân dân mở rộng diện tích trồng dâu nuôi tằm, phát triển nghề dệt lụa.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng thực trạng kết quả đạt được trong 3 năm (1991-1993), tháng 4/1994 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã tổ chức Hội nghị đại

⁸⁰ Kế hoạch số 265-KH/UB của Ủy ban nhân dân huyện Duy Tiên về triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá VII.

biểu giữa nhiệm kỳ nhằm đề ra nhiệm vụ và biện pháp để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 18. Đến năm 1995, trên địa bàn huyện hệ thống điện được xây dựng rộng khắp, đảm bảo phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất, 98% số hộ nông dân được sử dụng điện. Hệ thống bưu chính - viễn thông cũng được đầu tư 1,8 tỷ đồng, phủ khắp 22 xã, thị trấn. Đài phát thanh huyện và hệ thống truyền thanh các xã đã làm tốt công tác thông tin đại chúng, kịp thời tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương và đáp ứng yêu cầu thông tin 4 cấp của nhân dân.

Cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội, sự nghiệp y tế, giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nhân dân. Công tác chăm sóc sức khỏe được quan tâm nâng cao chất lượng, các bệnh xã hội được quản lý theo quy định không để lây lan. Nhân dân ốm đau khi đến trạm xá, bệnh viện được điều trị kịp thời. Con em đến tuổi đi học được cấp sách đến trường, có đủ phòng học, bàn ghế để cho các cháu học tập.

Quán triệt quan điểm Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khoá VII về coi con người là nhân tố quyết định, nguồn lực to lớn sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội, nên trong quá trình lãnh đạo Đảng bộ hết sức quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục, y tế, văn hoá, thanh niên. Để thực hiện mục tiêu: xây dựng và phát triển con người toàn diện Đảng bộ xác định phải huy động sức mạnh của toàn dân, toàn xã hội tham gia.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, với vị trí là quốc sách hàng đầu, sự nghiệp giáo dục - đào tạo của huyện đã có

nhiều đổi mới. Trên cơ sở nâng cao nhận thức, các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục với các nội dung:

Xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp để con em nhân dân có phương tiện, điều kiện học hành ngày càng đầy đủ hoàn thiện, có sức thu hút các cháu yên tâm, phấn khởi học tập tiến bộ.

Củng cố đầu tư trang thiết bị dạy học, giúp các cháu tiếp cận với các phương tiện học tập hiện đại, đầy đủ, phát triển năng lực ứng dụng, tiến tới có kỹ năng và kỹ xảo để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, khoa học tiến bộ trong đó học sinh được giáo dục chăm sóc từ nhiều phía: thầy cô giáo, gia đình đoàn thể, xã hội và sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền.

Chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên về cả vật chất, tinh thần để yên tâm phấn khởi, trách nhiệm nâng cao hiệu suất đào tạo, công tác.

Trong bối cảnh chuyển đổi từ cơ chế quản lý quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường khiến cho tình hình kinh tế - xã hội diễn biến hết sức mau lẹ, công tác giáo dục cũng gặp nhiều khó khăn, tình trạng học sinh cấp I, cấp II bỏ học giữa chừng ngày càng tăng. Năm 1991, Đại hội giáo dục được chỉ đạo tổ chức điểm tại xã Yên Bắc, sau đó được triển khai ra các xã trong toàn huyện. Đại hội giáo dục được tổ chức từ huyện đến cơ sở đã có tác dụng tích cực tạo nên những bước chuyển biến rõ nét trong công tác giáo dục. Sức mạnh tổng hợp của toàn

Đảng, toàn dân, của các đoàn thể và mọi lực lượng xã hội được huy động tham gia vận động học sinh các cấp trở lại trường lớp. Từng chi bộ, đảng viên được giao trách nhiệm phụ trách ở các luỹ tre xanh và lấy đây là chỉ tiêu thi đua để đánh giá xếp loại cán bộ, đảng viên. Nhờ vậy, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm, năm học 1992-1993 chiếm từ 14-15%, thậm chí có lớp chiếm tới 25%, năm học 1993-1994 chỉ còn 1-2%.

Cuộc vận động xã hội hoá giáo dục không chỉ đạt hiệu quả trong việc động viên, khuyến khích học sinh đến trường mà còn huy động mọi nguồn lực trong xã hội chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên. Hàng năm, ngành giáo dục huyện đều tiến hành kiểm tra trình độ, năng lực, phẩm chất của giáo viên để xét đề nghị nâng lương, chú trọng đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân có nhiều cố gắng tạo điều kiện cho các thầy, cô giáo ổn định đời sống để yên tâm, phấn khởi công tác.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên được chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và rèn luyện phẩm chất chính trị, Đảng bộ coi đây là điều kiện quyết định việc nâng cao chất lượng giáo dục. Năm 1995, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo quy định của toàn huyện đạt 95%, trong đó 85% có trình độ cao đẳng trở lên. Tổng số giáo viên cấp I là 493, giáo viên cấp II là 368, cấp III là 99.

Mối quan hệ giữa nhà trường – xã hội được tăng cường phối hợp tháo gỡ những khó khăn, đảm bảo cho việc giảng dạy và học tập đã tạo ra những bước chuyển biến tích cực và hiệu quả trong công tác giáo dục: các cấp học, ngành học được củng cố và phát triển về cả số lượng và chất lượng. Thực

hiện đề án sắp xếp lại các trường cấp I, cấp II, đến năm học 1992-1993, 100% các trường cấp I trong toàn huyện đã tách ra khỏi trường cấp II thành: trường tiểu học và trường trung học cơ sở. Theo số liệu thống kê đến năm 1995, toàn huyện có 25 trường tiểu học, 19 trường trung học cơ sở.

Đến 1995, cùng với việc duy trì kết quả phổ cập tiểu học, 7/22 xã thị trấn của huyện đã hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tổng số học sinh phổ thông trung học của toàn huyện là 2.421em.

Ngành học mầm non tuy gặp nhiều khó khăn do việc xoá bỏ cơ chế bao cấp, song các xã, hợp tác xã và nhân dân vẫn cố gắng đảm bảo cơ sở vật chất, chế độ cho các cô giáo. Các hình thức tổ chức được mở rộng đa dạng như: nhóm tuổi thơ, nhóm trẻ liên gia, nhóm trẻ gia đình đã đảm bảo điều kiện nuôi dạy ổn định và giúp cho cha mẹ các cháu yên tâm sản xuất.

Ngành học giáo dục thường xuyên khắc phục những khó khăn trong việc vận động người học và chế độ đối với người dạy, đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Từ năm 1991-1994, toàn huyện có 742 học viên theo học các lớp bổ túc văn hoá cấp II, thi hết cấp được trên 500 học viên. Chỉ tiêu xoá mù của huyện được đảm bảo, riêng năm 1995 thực hiện xoá mù được 148 người. Lớp học tình thương ở 2 xã Yên Bắc và Lam Hạ đã có hiệu quả rõ rệt, tạo điều kiện cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt và con em các gia đình chính sách được học nghề, học văn hoá.

Việc dạy nghề trong các trường phổ thông và phổ thông cơ sở được quan tâm với nhiều ngành nghề như: nghề nông, nghề điện, nghề may, nghề mộc. Đây được coi là một biện pháp góp phần trực tiếp đào tạo nhân lực cho sản xuất hàng hoá nhiều thành phần của địa phương.

Thực hiện phương châm đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học không ngừng được tăng cường. Từ 1991-1994, có 115 phòng học mới được xây mới, 142 phòng học được nâng cấp, 3.323 bộ bàn ghế được đóng mới và sửa chữa được 4.609 bộ. Do có sự hưởng ứng tích cực của các xã nên chương trình “Cao tầng hoá trường học” đã huy động được số vốn hơn 6 tỷ đồng, chiếm hơn 20% tổng kinh phí xây dựng cơ bản của huyện, trong đó có sự đóng góp to lớn của nhân dân. Tính đến 6/1995, toàn huyện đã có 10 xã khởi công xây dựng trường trung học cơ sở cao tầng, chiếm 45,5% số xã.

Trong 5 năm (1991-1995), sự nghiệp y tế cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các chương trình chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân được chỉ đạo chặt chẽ kết hợp với tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân ăn sạch, uống sạch, ở sạch, dùng muối iốt. Chất lượng khám chữa bệnh ở bệnh viện và các phòng khám khu vực được nâng lên. Trình độ tay nghề, trách nhiệm và tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh của đội ngũ cán bộ y tế đã có nhiều chuyển biến tích cực, tạo được lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

Các chế độ khám chữa bệnh cho các đối tượng có bảo hiểm y tế và ưu tiên được đảm bảo. Ngành y tế còn thực hiện

xét miễn giảm tiền thuốc cho các đối tượng chính sách và người nghèo khi vào viện, phát hơn 300 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo. Bình quân số lần một người được khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ hàng năm tăng từ 0,25 lần năm 1992 lên gần 1 lần năm 1994. Số lượng bệnh nhân điều trị nội trú năm 1994 là 4.968 người tăng 291 người so với năm 1992.

Để khắc phục tình trạng xuống cấp của các cơ sở y tế, hệ thống trạm y tế tại 19/22 xã, thị trấn được củng cố về cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng phục vụ. Mạng lưới y tế thôn xóm hoạt động đi vào nề nếp có sự quản lý chặt chẽ của trạm xá. Năm 1993, một số xã đã tập trung đầu tư xây dựng trạm y tế theo quy định của Bộ Y tế: Trác Văn, Hoà Mạc, Yên Bắc, Bạch Thượng, Duy Hải. Tính đến năm 1995, số lượng cơ sở y tế của huyện bao gồm: 1 bệnh viện, 2 phòng khám đa khoa, 22 trạm y tế xã vẫn được duy trì nhưng số giường bệnh được tăng lên 340, tổng số cán bộ y tế là 211 so với năm 1991 chỉ có 295 giường và 189 cán bộ.

Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình được các cấp uỷ Đảng xác định là một chỉ tiêu và giải pháp trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đòi hỏi có sự tham gia của các ngành, đoàn thể và nhân dân. Ban dân số được kiện toàn tại 100% số xã, đã phối hợp chặt chẽ với mạng lưới cộng tác viên dân số thực hiện nhiệm vụ quản lý đối tượng, tuyên truyền, vận động góp phần làm giảm tỷ lệ phát triển dân số.

Các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình được triển khai ở rộng rãi tại 20 xã và 4 trung tâm cụm liên xã. Các chiến dịch truyền thông về dân số lồng ghép với dịch vụ kế hoạch hoá gia đình

trên địa bàn huyện cũng mang lại hiệu quả thiết thực trong việc chuyển đổi nhận thức và hành vi của mọi người. Do vậy, trong 5 năm 1991-1995, tỷ lệ gia tăng dân số bình quân là 1,37%/năm, giảm 0,4% so với giai đoạn 1986-1990, đến năm 1995 còn 1,17%, tổng dân số của huyện là 133.275 người

Công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em đã đi vào nề nếp, trở thành ý thức trách nhiệm của mọi thành viên trong xã hội. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em từ 0-5 tuổi (PAM) được triển khai tại 6 xã đạt hiệu quả tốt. Năm 1995, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm 8% so với năm 1994. Các cháu từ 0-5 tuổi uống vitamin A đạt 100% số cháu trong độ tuổi. Những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt được quan tâm chăm sóc tại cộng đồng tạo điều kiện cho các em hoà nhập với cuộc sống chung của toàn xã hội. Sự phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục trẻ em được chặt chẽ hơn nên toàn huyện không có trẻ em vi phạm pháp luật.

Sự nghiệp văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao ngày càng phát triển. Hoạt động văn nghệ, thể thao trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân. Những xã có phong trào khá, tiêu biểu như: Châu Giang, Yên Bắc, Tiên Phong. Các đợt hội thao, hội diễn văn nghệ đều được tổ chức từ cơ sở. Công tác quản lý các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá có nhiều tiến bộ, văn hoá phẩm có nội dung xấu, tệ nạn xã hội như: nghiện hút, cờ bạc, số đề được phát hiện, ngăn chặn kịp thời, xử lý kiên quyết không để lan rộng trở thành vấn đề phức tạp ở địa phương.

Phong trào xây dựng nếp sống văn hoá đã được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng. Những nét văn hoá truyền thống được giữ gìn và phát triển, những hoạt động văn hoá trái với thuần phong mỹ tục được đấu tranh loại bỏ. Thôn Đô Lương - xã Yên Bắc và thôn Đông Ngoại - xã Châu Giang được chọn làm điểm về xây dựng hương ước. Thực hiện Thông tri số 40-TT/TU, ngày 12/7/1995 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chỉ đạo cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, phong trào xây dựng gia đình văn hoá, làng xã văn hoá được tiếp tục được phát động sôi nổi. Đến cuối năm 1995, toàn huyện có 32 thôn với 19.652 hộ đạt tỷ lệ 60% đăng ký tham gia, bước đầu tạo ra những chuyển biến tích cực trong đời sống văn hoá ở nông thôn.

Quán triệt quan điểm chỉ đạo: phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, hàng năm Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ về công tác quân sự địa phương và an ninh - trật tự đã được triển khai và thực hiện tốt từ huyện đến cơ sở. Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc đã được Đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo thường xuyên. Nhân dân thực sự là lực lượng quần chúng rộng rãi trong đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, giáo dục, thuyết phục những người có hành vi vi phạm pháp luật.

Lực lượng công an xã được xây dựng và củng cố theo Quy định 137-QĐ/BNV ngày 12/10/1989 của Bộ Nội vụ về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và lễ lối của công an xã đã ngày càng trở nên trong sạch vững mạnh, làm nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương.

Tuy nhiên, hoạt động của lực lượng an ninh ở cơ sở có nhiều hạn chế do công tác nắm tình hình, phòng ngừa đấu tranh với tội phạm còn yếu, chưa đáp ứng so với yêu cầu. Từ năm 1991-1993 tình hình an ninh - trật tự diễn biến phức tạp, số lượng các vụ việc xảy ra ở cơ sở có xu hướng gia tăng, năm 1991 là 397 vụ, đến năm 1993 tăng lên 401 vụ, đặc biệt có một số vụ trọng án.

Tính đến tháng 6/1994, toàn huyện có 22 trưởng công an xã, 25 phó công an xã, 472 công an viên, 460 bảo vệ đồng ruộng. Căn cứ vào điều kiện, nhu cầu thực tế tháng 7/1994, Ủy ban nhân dân huyện đã ra quyết định số 60/QĐ-UB về việc thống nhất các lực lượng công an xã, bảo vệ đồng ruộng, tước tiêu dưới sự điều hành của ban công an xã. Công an xã đóng vai trò là một bộ phận của lực lượng vũ trang quần chúng, là một trong những công cụ chuyên chính của Đảng và chính quyền cấp xã, chịu sự lãnh đạo trực tiếp và giúp cấp uỷ, chính quyền xã tiến hành các biện pháp xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố vững chắc nền tảng an ninh - trật tự ở nông thôn.

Trên cơ sở nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của huyện Thanh Liêm, năm 1992 phong trào “Thôn xóm bình yên, gia đình hạnh phúc” đã được tổ chức triển khai trong toàn huyện với sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể trong đó công an và Mặt trận Tổ quốc giữ vai trò nòng cốt. Xã Châu Giang được chọn là đơn vị điểm để xây dựng phong trào: “Thôn xóm bình yên, gia đình hạnh phúc”. Với những hình thức, biện pháp, bước đi sáng tạo, phù hợp với tình hình đặc điểm của địa

phương, phong trào đã thu được những kết quả quan trọng góp phần vào nhiệm vụ giữ gìn ổn định an ninh trật tự trên địa bàn huyện ngay từ cơ sở. Căn cứ vào mục đích, yêu cầu, ý nghĩa nội dung của phong trào các xã xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể để vận động, tổ chức quần chúng thực hiện.

Tiêu chuẩn “Gia đình hạnh phúc” là: Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, sống với làng xóm thân thương, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong lúc thuận lợi cũng như khó khăn.

Tiêu chuẩn “Thôn xóm bình yên” là: Làm tốt công tác bảo vệ tài sản, không để xảy ra mất tài sản; Giải quyết tốt những mâu thuẫn tranh chấp trong nhân dân; Xây dựng nếp sống văn hoá mới, bài trừ hủ tục lạc hậu; Làm tốt công tác bảo vệ an toàn không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng; Phòng chống tội phạm trong nội bộ thôn xóm không để xảy ra trường hợp vi phạm pháp luật; Thôn xóm phải có từ 95% trở lên gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình hạnh phúc.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng, Công an huyện đã mở nhiều đợt tấn công bọn tội phạm, thiết thực giảm bớt các nhóm tội phạm hoạt động trên địa bàn, bảo vệ an toàn lực lượng và nhân dân trong khu dân cư. Việc triển khai và thực hiện Chỉ thị 406-CT/TTg, ngày 8/8/1994 của Thủ tướng Chính phủ về cấm buôn bán, vận chuyển, đốt pháo nổ được đảm bảo tương đối tốt.

Trong 5 năm (1991-1995), công tác quân sự địa phương của huyện vẫn duy trì là đơn vị khá của tỉnh. Xây dựng huyện thành

khu vực phòng thủ vững chắc được cấp uỷ Đảng, chính quyền xác định là nhiệm vụ vừa thường xuyên, vừa cấp bách, có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng.

Trong tình hình mới, công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng cho cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang tập trung vào các nội dung: nâng cao cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; chống biểu hiện tư tưởng hoà bình, mơ hồ mất cảnh giác; nhận thức đúng đắn về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đập tan âm mưu chiến lược diễn biến hoà bình của địch, giành chủ động không để bất ngờ xảy ra.

Để thực hiện củng cố nền quốc phòng toàn dân, công tác xây dựng và huấn luyện lực lượng vũ trang được thực hiện nghiêm túc. Năm 1992 tổng số dân quân tự vệ của huyện là 1.591 người, trong đó có 167 nữ, 165 đảng viên, 560 đoàn viên. Đến năm 1993, các đơn vị dân quân tự vệ trong toàn huyện được xây dựng hoàn chỉnh theo yêu cầu nhiệm vụ thời bình và chiến đấu trong khu vực phòng thủ. Cụ thể lực lượng dân quân thời chiến chiếm 1,2% dân số, thời bình chiếm 5,8%, lực lượng tự vệ chiếm 10% tổng số cán bộ, công nhân viên. Lực lượng này được biên chế quản lý và huấn luyện hàng năm với nội dung sát với từng đối tượng, phù hợp với thực tiễn với nhiệm vụ chủ yếu là bảo vệ làng xã. Đặc biệt, đã chú trọng xây dựng trung đội dân quân cơ động mạnh, làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, đồng thời kết hợp với lực lượng công an bảo vệ, giữ gìn trật tự trị an tại địa phương. Lực lượng dân quân tự vệ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng huyện thành đơn vị phòng thủ vững chắc.

Công tác tuyên truyền, khám gọi thanh niên nhập ngũ theo phương thức “Liên hoan tại nhà, giao quân tại xã, tiễn đưa tại huyện” được thực hiện tốt. Hàng năm, huyện đều hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân, đảm bảo an toàn, đúng luật và tiết kiệm.

Quán triệt phương châm: xây dựng kinh tế là trọng tâm, đổi mới và chỉnh đốn Đảng là khâu then chốt, trong nhiệm kỳ, công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ tập trung chỉ đạo. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương “Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng”, ngày 5/3/1993 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng “Đề án thực hiện nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở Đảng, đội ngũ cán bộ và đảng viên” với mục tiêu: đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng gắn với nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII. Quá trình thực hiện đề án được Đảng bộ huyện chỉ đạo toàn diện, đồng bộ, sát hợp với tình hình, có bước đi thích hợp, bình tĩnh, tự tin, không nóng vội, không chậm trễ nên đã tạo ra được những chuyển biến quan trọng. Nội dung thực hiện căn cứ vào đặc thù của từng cơ sở để chọn những vấn đề bức xúc, đột phá làm trước, không làm tràn lan. Cụ thể gồm:

Thứ nhất, quán triệt nắm vững vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng, trên cơ sở đó xác định cụ thể nội dung lãnh đạo, xây dựng tổ chức phù hợp, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, đổi mới nội dung và

phương thức hoạt động nhằm nâng cao hiệu lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng.

Thứ hai, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh.

Thứ ba, bồi dưỡng, sàng lọc, phát triển đội ngũ đảng viên, phân công công tác đảng viên.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, thực hiện tốt chế độ chính sách đối với cán bộ.

Trước những vấn đề nảy sinh trong tư tưởng của một số cán bộ đảng viên như: hoài nghi về đường lối đổi mới và vai trò lãnh đạo của Đảng, không yên tâm với nhiệm vụ, ý thức phấn đấu rèn luyện giảm sút, tự tước bỏ tính tiên phong gương mẫu, buông nơi sinh hoạt, thoái thác nhiệm vụ, Đảng bộ đã đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng Đảng về chính trị - tư tưởng. Đội ngũ báo cáo viên từ huyện đến cơ sở được củng cố, đáp ứng yêu cầu, nhanh chóng cung cấp những thông tin có định hướng của Đảng về tình hình trong nước và thế giới tới cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chính vì vậy, đã khẳng định và tạo sự nhất trí cao về vai trò lãnh đạo của Đảng, về vị trí lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng đối với các mặt hoạt động ở cơ sở. Từ đó góp phần khắc phục được những biểu hiện thờ ơ, mơ hồ, thiếu tự tin, hạ thấp vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng.

Đảng bộ cũng đẩy mạnh công tác giáo dục lý luận chính trị thông qua việc tổ chức các lớp học tại Trung tâm Chính trị của huyện và tại cơ sở. Đến giữa nhiệm kỳ, Đảng bộ đã được công nhận hoàn thành giáo dục phổ cập lý luận chính trị cho đảng viên.

Việc thực hiện, Chỉ thị 14/CT-BBT, ngày 19/11/1992 của Ban Bí thư Trung ương về việc tổ chức tự phê bình và phê bình được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc theo phương châm: thận trọng nhưng kiên quyết, có bước đi vững chắc, tránh làm tràn lan, làm ẩu, làm lướt, phải khách quan, trung thực, đề phòng trù úm, trả thù cá nhân, lợi dụng bè phái, dòng họ, thôn xóm.

Huyện uỷ đã thành lập tổ công tác để theo dõi và giúp đỡ cơ sở trong quá trình triển khai. Các tổ chức cơ sở Đảng trên cơ sở lấy ý kiến của quần chúng góp ý phê bình cán bộ, đảng viên và xây dựng báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ đã tiến hành kiểm điểm từng cấp uỷ và đảng viên theo đúng trình tự: cấp uỷ kiểm điểm trước, đảng viên kiểm điểm sau; cấp trên kiểm điểm trước, cấp dưới kiểm điểm sau.

Tính đến 31/12/1994, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ có 6.391 đồng chí, tăng so với năm 1992 là 255 đồng chí. Trong số 5.819 đồng chí dự phân loại có: 4.399 đồng chí đạt loại 1 chiếm 75,6%, tăng 10% so với năm 1992; loại 2 có 1.368 đồng chí chiếm 23,5%; loại 3 có 39 đồng chí chiếm 0,67%, giảm 18,53% so với năm 1992; loại 4 có 13 đồng chí chiếm 0,22%, giảm 2,58% so với năm 1992⁸¹.

Qua phân tích chất lượng đội ngũ đảng viên đã giúp cho cấp uỷ, chi bộ hiểu được điều kiện, hoàn cảnh, năng lực cụ thể

⁸¹ Báo cáo số 18BC/TU của Huyện uỷ Duy Tiên về sơ kết 2 năm thực hiện Đề án đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1994.

Loại 1: đảng viên đủ tư cách; loại 2: đảng viên đủ tư cách nhưng còn yếu từng mặt, loại 3 đảng viên có vi phạm nhưng chưa đến mức phải ra khỏi Đảng, loại 4: đảng viên không đủ tư cách phải đưa ra khỏi Đảng

của từng đồng chí để có kế hoạch bồi dưỡng, phân công công tác cho phù hợp và giúp đỡ phấn đấu vươn lên.

Xuất phát từ đặc điểm 89,7% số đảng viên của Đảng bộ ở nông thôn, nên trong thực hiện đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở Đảng, đội ngũ cán bộ và đảng viên, Ban Chấp hành Đảng bộ tập trung vào trọng tâm là: nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn. Trên cơ sở giữ ổn định và củng cố mô hình 22 xã, thị trấn đồng thời là 22 đảng bộ cơ sở, 22 hợp tác xã nông nghiệp đã phát huy được vai trò và hiệu quả trong lãnh đạo quản lý xã hội và phát triển kinh tế, các chi bộ nông thôn được đổi mới về tổ chức theo hướng xây dựng chi bộ theo mô hình thôn, xóm.

Việc tổ chức lại chi bộ theo mô hình thôn, xóm là phù hợp với yêu cầu lãnh đạo của Đảng trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Mô hình này đã phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, tập hợp được quần chúng tạo ra sự thống nhất, đoàn kết trong nội bộ nông thôn, phát huy được sức mạnh tổng hợp hướng vào thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trong thôn, xóm. Tính đến năm 1995, toàn huyện có 260 chi bộ nông thôn giảm 49 chi bộ so với năm 1992, trong đó có 229 chi bộ tổ chức theo mô hình thôn, xóm, tăng so với năm 1992 là 152 chi bộ, chiếm 88,08%, còn lại 41 chi bộ được tổ chức theo nhiệm vụ chuyên môn.

Do thực hiện tinh giảm biên chế, rút gọn bộ máy, nên khối cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước giảm đi 15 chi bộ, 98% bí thư chi bộ là thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp kiêm nhiệm.

Công tác phát triển đảng viên mới có sự chuyển biến rõ rệt, không chỉ quan tâm đến số lượng, chất lượng mà thực sự đã có bước đổi mới về nhận thức của cấp uỷ. Tuy nhiên, trong 2 năm (1993-1994) tỷ lệ đảng viên mới được kết nạp vẫn còn thấp chỉ chiếm 39,06% so với đối tượng được bồi dưỡng, chiếm 19,9% so với tổng số đoàn viên ưu tú được các chi đoàn giới thiệu⁸². Số chi bộ chưa kết nạp được đảng viên mới chiếm tới 60%. Hiện tượng chi bộ trong 7-10 năm không kết nạp được đảng viên mới nào vẫn còn nhiều.

Để khắc phục những hạn chế trên, thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 9/7/1994 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về mở đợt vận động, giáo dục, bồi dưỡng phát triển đảng viên mới nhân kỷ niệm 65 năm thành lập Đảng (3/2/1995) Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng xây dựng kế hoạch, quy hoạch công tác phát triển Đảng của đơn vị mình. Tính đến tháng 10/1995, số đảng viên mới được kết nạp trong toàn Đảng bộ đạt khá cao 107 đồng chí, tăng gần gấp đôi so với năm 1992. Số cơ sở đảng kết nạp được đảng viên mới là 32/72, tỷ lệ này năm 1991 là 18/80 và năm 1992 là 29/78. Vì vậy đã nâng tổng số đảng viên được kết nạp trong 5 năm 1991-1995 là 346 đồng chí, trong đó 69,6% ở khối xã, thị trấn; 52,2% là đoàn viên, 42,7% là nữ.

Đến năm 1995, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ là 6.289 đồng chí, trong đó được miễn sinh hoạt là 446 đồng chí, tham dự phân loại là 5.843 đồng chí, đảng viên loại 1 là

⁸² Báo cáo số 18-BC/HU, ngày 30/12/1994 của Huyện uỷ Duy Tiên về sơ kết 2 năm thực hiện đề án đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1994

4.946 chiếm 84,6%, đảng viên loại 2 là 775 chiếm 13,2%, đảng viên loại 3 là 99 chiếm 1,6%, đảng viên loại 4 là 23 chiếm 0,4%.

Bên cạnh đó việc tập trung giải quyết đầu yếu được Đảng bộ coi trọng và đã đạt được kết quả tốt. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình cụ thể để tìm ra khâu yếu, Đảng bộ chỉ đạo phải kết hợp chặt chẽ giữa biện pháp tổ chức với công tác tư tưởng, mở rộng dân chủ trong Đảng, lắng nghe ý kiến của quần chúng nhân dân. Từ đó xác định nội dung và bước đi thích hợp để giải quyết dứt điểm các mâu thuẫn cơ bản, ổn định tình hình và có bước phát triển. Một số tổ chức cơ sở Đảng từ yếu kém đã vươn lên thành đơn vị khá, tiêu biểu như: Đảng bộ Bạch Thượng, Đảng bộ Đọi Sơn, chi bộ Tòa án huyện.

Kết quả phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng, năm 1995 so với năm 1992, số đơn vị đạt trong sạch, vững mạnh là 48/72 chiếm 66,7% tăng 10,3%; số cơ sở khá là 20/72 chiếm 27,8% giảm 8%; số cơ sở yếu là 4/72 chiếm 5,5% giảm 2%.

Cùng với phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng, công tác kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng về chấp hành điều lệ, quy chế và nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng được cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp hết sức coi trọng. Thông qua hoạt động kiểm tra giúp các cấp uỷ nắm chắc tình hình đảng viên và tổ chức Đảng để đề ra được các biện pháp tích cực nhằm thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong toàn Đảng bộ. Trong 5 năm từ 1991-1995, tiến hành kiểm tra 207 tổ chức Đảng với 7636 lượt đảng viên, phát hiện 693 trường hợp vi phạm phải xử lý kỷ luật, cụ thể: khiển trách 262 trường hợp, cảnh cáo 300 trường hợp, cách

chức 49 trường hợp. Tổng số đảng viên ra khỏi Đảng là 335 người, trong đó khai trừ 82 người, các hình thức khác: cho rút 92 người, xoá tên 161 người. Việc xem xét xử lý, kỷ luật đảng viên được tiến hành dân chủ, công khai, đảm bảo nguyên tắc, thủ tục của Điều lệ Đảng nên việc khiếu nại được hạn chế. Các trường hợp chủ yếu là vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, Nghị quyết về kế hoạch hoá gia đình, một số ít vi phạm về phẩm chất lối sống, kinh tế - tài chính như: tham ô, tham nhũng. Bên cạnh đó, việc xem xét công nhận đã sửa chữa khuyết điểm của đảng viên bị thi hành kỷ luật cũng được chú ý. Trong nhiệm kỳ có hơn 300 đảng viên được xem xét công nhận tiến bộ.

Thông qua các biện pháp, nội dung cụ thể, thiết thực đội ngũ đảng viên của Đảng bộ vừa được sàng lọc, vừa được tăng cường tính tích cực, phát huy và khơi dậy vai trò gương mẫu ở chi bộ, đơn vị, địa bàn, nâng cao năng lực và sức chiến đấu

Xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh có năng lực trí tuệ để vừa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, trước mắt của công cuộc đổi mới vừa chuẩn bị cho lâu dài là một nội dung được các cấp uỷ đặc biệt quan tâm. Công tác quy hoạch, tuyển chọn, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ dần đi vào nề nếp. Trong nhiệm kỳ có 138 đồng chí được cử đi đào tạo theo các hệ tập trung và tại chức, trong đó có 7 đồng chí đi đào tạo cao cấp và cử nhân chính trị, 106 đồng chí đi đào tạo trung cao cấp quản lý Nhà nước, 25 đồng chí đào tạo đại học các ngành quản lý kinh tế, khoa học - kỹ thuật và nhiều đồng chí được đi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được các cấp uỷ xác định là yêu cầu tất yếu. Việc xây dựng quy chế quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ, phương pháp công tác được chỉ đạo, duy trì và thực hiện khá nghiêm túc

Quá trình triển khai Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên, Đảng bộ luôn coi trọng chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời các tổ chức cơ sở Đảng vận dụng thực tiễn đơn vị mình để xây dựng thành chương trình hành động, kế hoạch thực hiện cho phù hợp với địa phương, đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả. Đối với những chủ trương lớn, những nhiệm vụ trọng tâm, Ban Chấp hành luôn chỉ đạo làm điếm, rút kinh nghiệm, sau đó nhân ra diện rộng.

Trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã đề ra 17 Nghị quyết chuyên đề, 16 Chỉ thị và 25 Thông tri cùng nhiều kế hoạch hướng dẫn khác, tạo sự đoàn kết, nhất trí cao, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò lãnh đạo tập thể và trách nhiệm của từng cá nhân, động viên trí tuệ, sức lực của toàn Đảng bộ và nhân dân thực hiện thắng lợi các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, đặc biệt là lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII đề ra.

Đánh giá công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là sau 4 năm thực hiện đề án “Đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở Đảng, đội ngũ cán bộ và đảng viên”, Đảng bộ huyện đã rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng xây dựng nền tảng chính trị trong Đảng bộ và nhân dân có ý nghĩa cực kỳ quan trọng

Thực hiện tốt nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ từ khâu quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đến việc giải quyết chính sách cho cán bộ để xây dựng đội ngũ cán bộ của huyện có khả năng đáp ứng dẫn trước những đòi hỏi của công cuộc đổi mới.

Tập trung chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng là khâu quan trọng.

Coi trọng việc bồi dưỡng, xây dựng các điển hình tiên tiến, làm tốt công tác sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, chỉ đạo chung tạo sự phát triển đồng đều ở các tổ chức cơ sở Đảng. Đối với cơ sở yếu kém phải đánh giá đúng tình hình, tìm ra khâu yếu có biện pháp giải quyết phù hợp, đúng hướng giúp ổn định để phát triển.

Đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên là đổi mới và chỉnh đốn cả hệ thống chính trị từ Đảng, chính quyền đến các đoàn thể quần chúng nhân dân ở cơ sở.

Công tác xây dựng chính quyền được Đảng bộ quan tâm bằng việc gắn chặt với củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ. Các cơ quan trong bộ máy chính quyền được chủ động hơn trong công tác, giảm bớt sự chông chéo lẫn nhau, đảm bảo hiệu lực quản lý Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Ngày 20/11/1994, cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3

cấp nhiệm kỳ 1994-1999 trên địa bàn huyện được tổ chức đảm bảo an toàn và đúng luật với tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 90,63%. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân huyện được bầu đủ 32 đại biểu. Hội đồng nhân dân huyện, xã, thị trấn đã kịp thời đề ra các Nghị quyết kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động giám sát việc tổ chức, thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Ủy ban nhân dân huyện đã đặt nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- văn hoá- xã hội, thực hành tiết kiệm, đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố an ninh quốc phòng và cải thiện đời sống nhân dân ở địa phương là nhiệm vụ trọng tâm số một. Các cơ quan chuyên môn đã phối kết hợp chặt chẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, cùng với nhân dân trong huyện tạo ra sức mạnh tổng hợp phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm. Trong nhiệm kỳ (1989-1994), Ủy ban nhân dân huyện đã quan tâm củng cố và kiện toàn tổ chức của các cơ quan chuyên môn, sắp xếp lại còn 10 phòng ban, giảm 2 phòng ban. Năm 1993, phòng tư pháp và cơ quan quản lý đất đai được thành lập.

Bên cạnh đó, việc thực hiện chính sách đối với các đối tượng hưởng chính sách đảm bảo đúng quy định, kịp thời gian. Thực hiện Pháp lệnh ngày 29/8/1994, quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; đến cuối năm 1995, toàn huyện có 84 bà mẹ được phong tặng, truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, trong đó có 17

bà mẹ còn sống. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa như: xây dựng nhà tình nghĩa, sổ tiết kiệm tình nghĩa tặng các gia đình, đối tượng chính sách được phát động sôi nổi.

Việc tổ chức quán triệt, học tập, triển khai Nghị quyết 8B, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI (3/1990) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân được các cấp uỷ chỉ đạo chặt chẽ. Trên cơ sở nhận thức rõ vai trò của quần chúng nhân dân trong công cuộc đổi mới, các cấp uỷ đã đề ra một số chủ trương tạo điều kiện cho mặt trận tổ quốc và các đoàn thể hoạt động có hiệu quả. Các tổ chức, đoàn thể nhân dân đã bám sát nhiệm vụ chính trị vận động các tầng lớp nhân dân và đoàn viên, hội viên của mình tích cực tham gia thực hiện.

Thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị về công tác đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận Tổ quốc từ huyện đến cơ sở đã có nhiều đổi mới về nội dung, tổ chức và phương thức hoạt động của mình. Các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc phát động sát hợp và có trọng tâm, trọng điểm hơn. Với phương châm hướng về cơ sở, tới các địa bàn dân cư và từng gia đình, trong 5 năm (1991-1995), Mặt trận Tổ quốc đã tiến hành có kết quả công tác vận động các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng chính quyền, đoàn kết lương giáo, đóng góp ý kiến xây dựng hiến pháp, sửa đổi nhiều dự luật, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Đồng thời động viên nhân dân thi đua lao động, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, nâng cao đời sống, thực hiện chính sách văn hoá - xã hội, xây dựng củng cố an ninh quốc phòng.

Đặc biệt công tác phụ lão nhằm chăm sóc đời sống cho người cao tuổi được hội thực hiện đạt kết quả tốt. Đến cuối năm 1994, toàn huyện đã xây dựng được 14 câu lạc bộ phụ lão sống vui, sống khoẻ. Tiêu biểu là câu lạc bộ phụ lão thôn Đô Lương – xã Yên Bắc, thôn Đông Ngoại – xã Châu Giang, thôn Nhất – xã Bạch Thượng.

Mạng lưới ban công tác mặt trận trên địa bàn dân cư được củng cố, hoạt động có hiệu quả thiết thực, được nhân dân và các cấp uỷ đảng ủng hộ, tiêu biểu như ban công tác mặt trận xã Yên Bắc, Châu Giang, Mộc Bắc, Tiên Nội.

Mặt trận Tổ quốc cùng với các tổ chức thành viên phát huy tính chủ động, sáng tạo, kết hợp hành động trong nhiều phong trào đạt kết quả tích cực.

Trong 5 năm (1991-1995), các cấp hội phụ nữ trong huyện đã tích cực thực hiện 2 cuộc vận động: “Phụ nữ giúp đỡ nhau làm kinh tế gia đình và nuôi dạy con tốt góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ bỏ học và trẻ chưa ngoan gắn với thực hiện 2 chương trình: tạo vốn giải quyết thêm việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ, chăm sóc sức khoẻ phụ nữ trẻ em, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Với nội dung phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp phụ nữ, các hoạt động do hội triển khai đã thiết thực giúp cho đông đảo chị em tháo gỡ những khó khăn, trăn trở trong cuộc sống của mỗi gia đình thời kỳ chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, mang lại quyền lợi thiết thực cho mỗi hội viên. Từ đó trình độ quản lý

và phát triển kinh tế gia đình của chị em được nâng lên, tác động tích cực đến đời sống, sức khoẻ của phụ nữ và trẻ em.

Bên cạnh đó, tổ chức hội được củng cố, tập hợp phụ nữ tham gia ngày càng nhiều, sự gắn bó giữa hội viên với tổ chức hội ngày càng chặt chẽ. Đội ngũ cán bộ hội trong lãnh đạo, điều hành quản lý kinh tế và các hoạt động của hội đi vào chiều sâu và có sự phối hợp giữa các cấp hội.

Do được sự quan tâm chỉ đạo của cấp uỷ, sự tạo điều kiện của các cấp chính quyền, sự phối kết hợp của các ngành chức năng và các đoàn thể, đồng thời tranh thủ các điều kiện như: xin vay vốn Quốc gia, vận động hội phụ nữ tự tạo vốn, phát huy tinh thần tương thân, tương ái hỗ trợ giúp đỡ nhau về giống, vốn, vật tư, cây con và công lao động, kiến thức và kinh nghiệm làm kinh tế gia đình, chương trình xoá đói giảm nghèo do hội phát động đã giúp đỡ cho 5.169 gia đình khó khăn. Qua tổng kết rút kinh nghiệm và khen thưởng, toàn huyện bầu chọn được 10.594 gia đình làm kinh tế giỏi, 9.657 gia đình nuôi dạy con tốt.

Từ ngày 18-19/5/1991, Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh huyện lần thứ nhất được tổ chức thành công tốt đẹp. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Huyện hội khoá I gồm 11 đồng chí, đồng chí Vũ Giang làm Chủ tịch Hội.

Do xác định xây dựng tổ chức hội là nhiệm vụ trung tâm nên tổ chức hội đã không ngừng được củng cố, phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến cuối năm 1995, tổng số hội viên của hội đã tăng lên 5.338 đồng chí, đạt tỷ lệ 60% so với tổng số cựu chiến binh toàn huyện, gấp gần 2 lần so với năm 1991.

Hội đã triển khai thực hiện cuộc vận động thi đua: xây dựng tổ chức cơ sở hội vững mạnh với 5 tiêu chuẩn và hội viên gương mẫu với 4 tiêu chuẩn. Qua bình xét thi đua có: 19/22 hội xã, thị trấn được xếp loại vững mạnh, không còn đơn vị yếu kém, 75% hội viên gương mẫu, 21,5% hội viên trung bình, 2,17% hội viên. Số hội viên cựu chiến binh tham gia công tác Đảng và chính quyền ở cơ sở chiếm tỷ lệ cao: 65-70% trong tổng số đảng uỷ và chi uỷ viên, 50% trong số đại biểu Hội đồng nhân dân xã, 19/22 đồng chí là Bí thư Đảng uỷ cơ sở và Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, 10/12 đồng chí là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

Thông qua việc duy trì sinh hoạt, Hội cũng rất coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho hội viên như: phổ biến, quán triệt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương; luôn giữ gìn và phát huy bản chất truyền thống anh bộ đội Cụ Hồ, nâng cao cảnh giác cách mạng, chống diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch. Đồng thời, Hội còn tích cực đẩy mạnh các hoạt động tình nghĩa, quan tâm đến đời sống tinh thần vật chất của hội viên. Trong 5 năm (1991-1995), các cơ sở hội đã trích quỹ 4.124.000 đồng mua quà thăm hỏi hội viên khi ốm đau. Hội còn giúp đỡ 335 lượt hội viên vay với tổng số tiền 78 triệu đồng để phát triển kinh tế. Kết quả có 52 hội viên xoá được đói, 104 hội viên giảm được nghèo.

Thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, Hội đã cùng các đoàn thể tích cực tham gia công tác quốc phòng – an ninh; giáo dục thế hệ trẻ kế thừa và phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; thực hiện chính sách hậu phương quân đội và các cuộc vận động xã hội. Hội thực sự trở thành một tổ chức tin cậy của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân, một thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc.

Để đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng nông thôn mới, Hội Nông dân từ huyện đến cơ sở đã tích cực đổi mới, có nhiều hoạt động phù hợp với nguyện vọng, củng cố niềm tin của nông dân. Phòng trào thi đua: “Sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới” được Hội nông dân huyện triển khai từ năm 1993 đã đạt được nhiều kết quả góp phần nâng cao đời sống của nông dân.

Mức thu (Đ. Vị: đồng/khẩu/tháng)	Năm 1993		Năm 1994		Năm 1995	
	Hộ	Tỷ lệ (%)	Hộ	Tỷ lệ (%)	Hộ	Tỷ lệ (%)
Dưới 30.000	4.931	17,9%	3.459	12,45%	1.413	4,48%
Từ 31.000-80.000	18.226	65%	10.546	34,95%	5.749	18,39%
Từ 81.000-120.000	2.911	10,9%	8.359	30,08%	19.210	65,8%
Từ 121.000-150.000	1.649	5,8%	6.272	22,2%	3.354	11,2%

Theo số liệu thống kê năm 1994, toàn huyện có 29.959 hộ nông dân chiếm 91,4%, do vậy nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nông dân được Đảng bộ hết sức quan tâm chỉ đạo và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiến cố chiếm 18,85%, nhà bán kiên cố chiếm 56,19%, hộ chưa có nhà (ở chung) chiếm 11,32%, hộ có ti vi 21,2%, có xe máy 4%.

Bên cạnh đó triển khai phong trào “Hội viên nông dân thi đua thực hiện gia đình 6 chuẩn mực⁸³” do Trung ương hội nông dân phát động, toàn huyện đã thu hút đạt 92% tổng số hội viên tham gia, một số xã thực hiện tốt như: Yên Bắc, Tiên Ngoại, Châu Giang.

Nhận thức được vị trí quan trọng của công tác thanh niên trong thời kỳ mới theo nội dung Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII), các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã nâng cao trách nhiệm, xác định rõ chủ trương, biện pháp để thúc đẩy công tác thanh niên. Chương trình hành động của đoàn thanh niên được cấp uỷ định hướng rõ sát hợp với nhiệm vụ kinh tế - chính trị của địa phương. Các phong trào do Đoàn thanh niên phát động đã đi vào chiều sâu theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

⁸³ 6 tiêu chuẩn: - Hội viên nông dân không có hộ đói nghèo; Không đông con, không đẻ thêm con khi đã có 2 con trở lên, không nhất thiết phải có con trai; Không có trẻ suy dinh dưỡng, không để chị em phụ nữ mắc bệnh về sinh đẻ; Không có người mù và trẻ em bỏ học; Không mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội; Không vi phạm chính sách, pháp luật, đảm bảo an ninh thôn xóm.

Tổ chức Đoàn tích cực vận động, thu hút thanh niên tham gia phong trào văn hoá - văn nghệ - thể dục thể thao, hoạt động hướng về cội nguồn vào các dịp kỷ niệm lớn của đất nước như: thi tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ, về anh bộ đội cụ Hồ. Phong trào xây dựng nếp sống văn hoá trong thanh niên phát triển mạnh mẽ với các nội dung phong phú như về dân số - kế hoạch hoá gia đình, thực hiện pháp luật, bảo vệ môi trường - sức khoẻ... đã góp phần thúc đẩy việc hoàn thành các chỉ tiêu xã hội và quốc phòng ở địa phương.

Bên cạnh đó thông qua phong trào tuổi trẻ lập nghiệp, thanh niên trong huyện đã có đóng góp quan trọng vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương. Thanh niên được tổ chức học tập, trao đổi, phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật, chuyển giao kỹ thuật, tham quan điển hình làm kinh tế giỏi. Vì vậy đã khơi dậy sức trẻ, xuất hiện nhiều tấm gương thanh niên tiêu biểu làm giàu bằng chính sức lao động của mình. Một số xã đã huy động đoàn viên, thanh niên đảm nhận các công trình thuỷ lợi, đường giao thông thiết thực góp phần tạo việc làm, tăng nguồn quỹ cho hoạt động đoàn.

Tỷ lệ tập hợp thanh niên trong tổ chức Đoàn năm 1994 đạt 25%, tăng 6% so với năm 1993. Công tác phát triển Đảng trong thanh niên được chú trọng. Tỷ lệ đoàn viên được kết nạp đảng bình quân 3 năm (1992-1995) chiếm 53% trong tổng số đảng viên mới được kết nạp. Trong 2 năm 1994-1995, Đoàn đã giới thiệu 218 đoàn viên ưu tú tham dự lớp đối tượng phát triển Đảng. Tuy nhiên, so với yêu cầu, phong trào Đoàn, thanh niên vẫn còn hạn chế như: một số nơi trống chi đoàn, tỷ lệ tập hợp thanh niên còn thấp, hình thức hoạt động nghèo nàn, nội

dung sơ cứng, khô khan. Nguyên nhân chủ yếu là do sự quan tâm chỉ đạo công tác thanh niên ở một số cấp uỷ Đảng, chính quyền còn buông lỏng, thậm chí khoán trắng cho đoàn thanh niên; chính sách đãi ngộ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động Đoàn cũng như cán bộ đoàn còn hạn chế; năng lực cán bộ Đoàn nhìn chung còn yếu.

Quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường phải làm cho hầu hết cơ sở sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, một số đơn vị phải giải thể, hàng trăm công nhân lao động chưa đủ việc làm hoặc phải nghỉ việc, ra khỏi biên chế Nhà nước. Trước tình hình đó, được sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và sự chỉ đạo thường xuyên của Ban Thường vụ Liên đoàn lao động tỉnh, hệ thống tổ chức công đoàn từ huyện đến cơ sở được củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động. Do vậy đã tiếp tục góp phần khẳng định bản chất cách mạng, sự kiên định vững vàng chính trị, vai trò nòng cốt của đội ngũ công nhân viên chức trong công cuộc đổi mới.

Tính đến năm 1995, toàn huyện có 26 công đoàn cơ sở, giảm 7 đơn vị so với năm 1991, trong đó khối sản xuất kinh doanh có 8 công đoàn cơ sở gồm tổng số 567 lao động, nữ là 321 người; khối hành chính sự nghiệp có 18 công đoàn cơ sở gồm 351 công nhân viên chức, nữ là 153 người.

Trong 5 năm, Liên đoàn lao động huyện đã tích cực phát động các phong trào thi đua theo các nội dung: Đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm, tích cực đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả sản phẩm hàng hoá, xây dựng quyền làm chủ tập thể của công nhân viên chức trong sản xuất.

Phong trào thi đua “lao động giỏi” phát huy sáng kiến, cải tiến và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ đã được đông đảo cán bộ công nhân viên chức hưởng ứng tích cực. Toàn huyện đã có 15 sáng kiến và áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại giá trị và làm lợi cho đơn vị hàng trăm triệu đồng, điển hình là: đơn vị công ty khai thác công trình thủy lợi, trại lúa I – Trung ương, bệnh viện huyện, trạm bảo vệ thực vật – thú y.

Phong trào tự tổ chức đời sống trong công nhân viên chức được phát động mạnh mẽ, rộng khắp thông qua các hoạt động giúp đỡ nhau làm kinh tế gia đình, mở rộng phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, tăng gia phát triển nghề phụ, làm dịch vụ và các việc có thu nhập chính đáng để ổn định đời sống, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các hộ công nhân lao động còn được tạo điều kiện vay vốn từ quỹ Quốc gia giải quyết việc làm với lãi suất thấp để thực hiện các dự án phát triển kinh tế gia đình như: chăn nuôi lợn thịt, lợn nái; gà công nghiệp; làm thêu, ren, dệt lụa, nghề mộc truyền thống, mây giang đan xuất khẩu; nuôi thả cá, lươn, ba ba, ếch, ong, trồng cây đặc sản. Nhờ đó đời sống của hộ công nhân viên chức từng bước được cải thiện và khá lên. Mức thu nhập bình quân của 40-50% số hộ đạt từ 120.000-250.000đ/người/tháng, cá biệt có hộ đạt mức thu nhập cao 500.000đ/người/tháng. Hằng năm, số hộ làm kinh tế giỏi tăng từ 5-8%.

Phong trào thi đua của công nhân viên chức đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận góp phần tích cực vào thực hiện các chương trình phát triển kinh tế – xã hội của huyện. Trong 2 năm (1994-1995) có 135 tập thể, đơn vị, cá nhân được tỉnh, huyện tặng bằng khen, Liên đoàn Lao động huyện liên tục được tặng bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh về

các mặt hoạt động công đoàn. Bình quân hàng năm có 4 công đoàn cơ sở đạt danh hiệu công đoàn vững mạnh toàn diện, 15 công đoàn cơ sở đạt danh hiệu công đoàn cơ sở vững mạnh chiếm từ 48-50%.

Bên cạnh đó chức năng đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp cho công nhân, viên chức được Liên đoàn lao động huyện, nhất là công đoàn cơ sở rất chú trọng. Đối với công nhân viên chức khối hành chính sự nghiệp được tinh giảm biên chế, phân công chuyên môn hoá nghề nghiệp, giữ vững kỷ luật công tác, tiền lương được xếp theo ngạch bậc theo Nghị định 25/CP và 26/CP của Chính Phủ, mức lương bình quân đạt 280.000đ/người/tháng. Đối với khối sản xuất kinh doanh, tổng số lao động có việc làm thường xuyên là 830 người, số thiếu việc làm là 78 người chủ yếu là ở các đơn vị: xí nghiệp ươm tơ Sông Châu, công ty vật tư và một bộ phận của: xí nghiệp chăn nuôi và công ty thương mại. Mức lương bình quân thực tế là từ 150.000-200.000đ/người/tháng, thấp hơn so với quy định tại Nghị định 26/CP của Chính Phủ⁸⁴.

Đến ngày 31/6/1995, thực hiện Nghị định 12/CP của Chính Phủ, Liên đoàn Lao động huyện đã bàn giao quản lý quỹ 5% bảo hiểm xã hội sang bảo hiểm xã hội huyện quản lý, chức năng của công đoàn chủ yếu là giám sát kiểm tra việc thực hiện ba chế độ: ốm đau, thai sản, du lịch – nghỉ ngơi đối với người lao động.

Tuy nhiên, hoạt động của công đoàn còn một số hạn chế: các phong trào thiếu chiều sâu, chưa sôi nổi, liên tục đều khắp, phương pháp vận động chưa đổi mới theo yêu cầu của cơ chế thị trường, còn lúng túng nên chưa thu hút đông đảo lực lượng

⁸⁴ Mức lương bình quân theo quy định của công nhân lao động khối sản xuất kinh doanh là 230.000đ/người/tháng.

lao động ngoài quốc doanh tự nguyện gia nhập tổ chức công đoàn. Vai trò giám sát, kiểm tra việc thực hiện Luật lao động của công đoàn chưa được phát huy đúng mức.

Tháng 9/1993, Hội Chữ Thập đỏ huyện tiến hành Đại hội đại biểu. Sau khi kiện toàn về mặt tổ chức, Hội Chữ thập đỏ đã tích cực phát triển hội viên. Đến tháng 6/1995, tổng số hội viên tăng lên 3.562 người. Để thực hiện tốt nhiệm vụ cứu trợ nhân đạo, Hội đã tập trung đẩy mạnh vận động phong trào: người người làm việc thiện, nhà nhà làm việc thiện, ngành ngành làm việc thiện. Năm 1995, Hội đã quyên góp từ thiện và cứu trợ cho 1.206 người có khó khăn với tổng số tiền là 49.878.000^d và 500kg gạo, 370 chiếc chăn chiên, 800 chiếc màn xô, 35 bộ quần áo.

Trong bối cảnh công cuộc đổi mới giành được những thắng lợi to lớn nhưng cũng phải đối mặt với những thách thức mới, Đảng bộ Duy Tiên đã tích cực thực hiện nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng để đáp ứng yêu cầu nâng cao vai trò lãnh đạo trên mọi lĩnh vực của đời sống, xã hội. Nhờ vậy kinh tế của huyện đã có bước phát triển đáng kể, văn hoá – xã hội chuyển biến tích cực, an ninh – chính trị được giữ vững, trật tự – an toàn xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ổn định và có bước cải thiện.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì trong quá trình lãnh đạo Đảng bộ vẫn còn một số thiếu sót. Về phát triển kinh tế chưa khai thác hiệu quả tiềm năng lao động và đất đai trên địa bàn, chưa chú trọng sản xuất chế biến nông sản hàng hoá. Việc làm, đời sống của người lao động trong các đơn vị kinh tế quốc doanh chưa ổn định. Đó là những vấn đề đặt ra nhiệm vụ cho Đảng bộ phải tìm ra phương hướng, biện pháp khắc phục trong nhiệm kỳ mới.

CHƯƠNG VII

TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (1996-2005)

I - Kế thừa và phát huy thành quả đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (1996-2000)

Trên cơ sở nhìn nhận, đánh giá, phân tích một cách khoa học tình hình quốc tế và trong nước, dự thảo các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã đề ra các chủ trương lớn cho thời kỳ phát triển mới của đất nước: Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu đến năm 2020, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong những năm từ 1996-2000, nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân là phải tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn trong thế kỷ XXI.

Những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước và trên địa bàn huyện đến năm 1995 là nguồn cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, khẳng định niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng, phấn khởi thi đua lao động sản xuất, xây dựng đời sống vật chất, đời sống văn hóa, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể vững mạnh.

Ngày 06/11/1996, kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá IX ra Nghị quyết về chia tách một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tỉnh Nam Hà tách thành hai tỉnh Hà Nam và Nam

Định. Từ ngày 01/01/1997, tỉnh Hà Nam được tái lập sau 32 năm sáp nhập với tỉnh Nam Định, Ninh Bình. Từ khi tách tỉnh, Đảng bộ Duy Tiên được đón nhận sự quan tâm sâu sát của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh trong phát triển kinh tế-xã hội.

Tuy nhiên, những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, các thế lực đế quốc và thù địch tăng cường chống phá cách mạng nước ta bằng chiến lược “Diễn biến hoà bình” với những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hơn. Mặt khác, tác động mặt trái của cơ chế thị trường tiếp tục làm nảy sinh một số vấn đề phức tạp trong đời sống xã hội đòi hỏi Đảng bộ phải giành nhiều thời gian, công sức, trí tuệ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo để giải quyết, có ảnh hưởng nhất định đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Ngày 8-9/2/1996, Đảng bộ huyện Duy Tiên tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XIX, nhiệm kỳ (1996-2000) tại nhà Văn hóa của huyện. Có 199 đại biểu, đại diện cho đảng viên trong Đảng bộ đã về dự Đại hội.

Báo cáo chính trị trình tại Đại hội nêu rõ: Tranh thủ thuận lợi, vượt qua khó khăn, Đảng bộ đã vươn lên giành nhiều thành tích mới: Kinh tế có bước phát triển đáng kể, quá trình chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp đã thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo một chiều hướng mới. Văn hóa, xã hội chuyển biến tích cực, an ninh chính trị giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân ổn định và có bước cải thiện, xây dựng Đảng được đẩy mạnh, công tác củng cố chính quyền và các đoàn thể nhân dân có chuyển biến mới, đã tạo được lòng tin của quần chúng nhân dân đối với vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng trong huyện.